

LỜI ĐẦU SÁCH

Tập sách nhỏ này do các Thiên sinh tại Tu Viện Chơn Không ghi lại các buổi nói chuyện của Thầy Viện Chủ trong những buổi chiều tại Trai đường hoặc ở nhà khách. Những buổi nói chuyện này không cố định dài ngắn hay sắp theo thứ tự từ thấp lên cao hoặc một hệ thống giáo lý nào (Đại thừa hoặc Tiểu thừa), mà Thầy chỉ tùy căn cơ, tùy hoàn cảnh giảng nói miễn sao có được lợi lạc cho người nghe. Có khi do xem Kinh, đọc sử, đọc luận thấy có chỗ nào hay, bài Kinh nào thích. Thầy thuật lại cho đại chúng nghe. Có khi trả lời những nghi vấn của Phật tử các nơi tới hỏi. Hoặc có những trường hợp giải nghi và phá chấp cho Thiên sinh v.v...

Xét thấy một số Tăng Ni và Phật tử có lòng hâm mộ Phật pháp nhưng ít được dịp nghe Thầy giảng dạy, chúng tôi cố gắng ghi lại một ít tài liệu cần thiết để giúp quý vị có phương tiện nghiên cứu, gọi là "Kiến hòa đồng giải" với nhau.

Vì ghi nhanh, chúng tôi chỉ ghi được đại ý hoặc những điểm trọng yếu của câu chuyện hay bài kinh mà không thể ghi hết từng chi tiết được.

Sau bài kinh hoặc mẩu chuyện đạo, có thêm đoạn bình luận để làm sáng tỏ thêm ý kinh cho người đọc dễ nhận (bình luận này hoặc ghi lời bình của Thầy Viện Chủ, hoặc viết theo chỗ nhận hiểu của các Thiên sinh).

Những bài được ghi vào đây phần nhiều trích ở Thiên Ký Sự về Tu Viện Chơn Không do các Thiên sinh ghi lại, nhưng rất tiếc chưa đủ duyên xuất bản.

Suốt thời gian qua tại Tu Viện Chơn Không, Thầy Viện Chủ giảng nói rất nhiều, chúng tôi chỉ ghi lại nơi đây một số ít bài thiết yếu để tưởng nhớ lời dạy dỗ của Thầy, vì lòng từ bi vô hạn, không phút giây nào quên nhắc nhở Tăng Ni và Phật tử tinh tiến tu hành để ra khỏi sinh tử.

Viết tại Tu Viện Chơn Không

Ngày cuối thu năm Ất Sửu 1985

Thay mặt các Thiên Sinh

THÍCH PHƯỚC HẢO



PHẦN 1: TRÍCH GIẢNG KINH A HÀM

1. Trả lời trong im lặng:

Vua Ba Tư Nặc đến hỏi đạo Tỳ Kheo Ni Khema.
Vua hỏi:

-Sau khi Phật Niết bàn có còn chăng?

Bà Khema đáp:

-Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua hỏi:

-Như vậy sau khi Phật Niết bàn không còn chăng?

Bà đáp:

-Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua hỏi tiếp:

-Sau khi Phật Niết bàn cũng còn, cũng không còn chăng? Chẳng phải còn, chẳng phải không còn chăng?

Bà Khema cũng đáp:

-Câu này Thế Tôn thường không trả lời.

Vua lại hỏi:

-Vì sao không trả lời?

Bà đáp:

-Ví như trong nước có nhà toán học giỏi, thử bảo toán xem cát sông Hằng là bao nhiêu, toán được không?

Vua đáp:

-Không thể toán được.

-Lại bảo toán xem nước biển đại dương là bao nhiêu đấu, toán được không?

Vua cũng đáp:

-Không thể toán được.

Bà nói:

-Cũng vậy, Thế Tôn đã dứt sạch sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không thấy có ta và của ta. Ngài đã vào chỗ thâm sâu không thể nghĩ lường được nên Phật không trả lời.

Vua lại đến hỏi Phật, Phật cũng đáp như vậy. Vua khen:

-Hay thay! Hay thay! Phật và đệ tử Phật đều nói không khác.

BÌNH:

Sở dĩ hỏi Như Lai còn hay không còn, là bởi trong lòng còn chứa niệm ta và của ta. Vì chấp năm uẩn là thật nên ta băn khoăn thắc mắc sợ tu hành rốt sau rồi không còn gì để nương tựa nữa. Đó là còn nghĩ đến thân để thụ hưởng. Rõ ràng người đặt câu hỏi này hoàn toàn chưa thoát khỏi năm uẩn. Người đạt năm uẩn không thật, chẳng còn có niệm ta và của ta thì sự còn mất của nó đâu còn quan trọng nữa!

Ví dụ: Có người đứng trên bến tàu thấy người lên kẻ xuống tấp nập, nhưng không hề ngó ngang gì đến cả. Bất chợt có người thân trong đó liền chạy đến hỏi han: Đi đâu? Bao giờ trở lại? V.v... Vì sao thế? – Vì có liên hệ đến ta; còn thấy có ta là còn vương vấn. Trái lại bao nhiêu người khác vì không dính dáng gì đến ta nên mặc tình họ đi đâu thì đi không cần để ý.

Kết luận điểm này, hễ còn nghiệp là còn sanh, còn sanh là còn chỗ để nói. Như Lai đã hết nghiệp nên không chỗ sanh, không chỗ sanh nên không thể nói, do đó chỉ im lặng, dứt hết hý luận.

2. Kinh rùa mù tìm bông cây:

Một hôm Phật ở Trùng Các Giảng Đường bên hồ Di Hâu, tôi nghe như vậy:

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo: Ví như quả đất sụp thành bể cả, có một con rùa mù sống vô lượng kiếp, một trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Trong biển có bông cây nổi chỉ có một lỗ, trôi giạt trên mặt biển theo gió sang Đông Tây, con rùa mù một trăm năm mới trồi đầu lên tìm bông cây, sẽ gặp được bông cây này chăng?

A Nan bạch:

-Không thể gặp, thưa Thế Tôn! Vì có sao? Vì con rùa này nếu đến bể Đông, bông cây đã theo gió đến bể Tây, Nam, Bắc bốn phía, chung quanh cũng vậy, không thể gặp nhau.

Phật bảo A Nan:

-Con rùa mù tìm bông cây tuy sai lạc, nhưng có lúc gặp nhau, kẻ phàm phu ngu si trôi giạt trong ngũ thú tạm được thân người, rất khó hơn con rùa mù kia tìm bông cây. Vì có sao? Vì chúng sanh kia không hành nghĩa, không hành pháp, không hành thiện, không hành chơn thật, sát hại lẫn nhau, mạnh hiếp yếu, tạo vô lượng tội ác. Thế nên, Tỳ

Kheo! Đối Tứ Thánh Đế nếu chưa được vô gián đẳng, phải chuyên cần tìm phương tiện mong muốn tăng thượng, học vô gián đẳng.

Phật nói Kinh này rồi, chư Tỳ Kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

BÌNH:

Qua câu chuyện rùa mù Phật dẫn trên, chúng ta xét có trái với tinh thần “Vô ngã” của Phật giáo không? Vì chủ trương của Phật giáo là phá ngã, thấy thân ngũ uẩn giả hợp như bèo bọt không nghĩa lý gì, tại sao ở đây lại quý thân?

Thật ra ở đây nói thân này “khó gặp”, không phải quý thân và quan trọng nó tựa hồ một bảo vật để tôn thờ như người ta làm tượng, mà ý nghĩa quý ở đây là muốn nói đến trong cuộc sống, thời gian sống, phải làm gì cho đúng ý nghĩa của nó.

Ở đời có hai hạng người làm chấp:

-Hạng người thứ nhất quá bi quan đối với thân này, cho nó là bất tịnh, là xấu xa, đê tiện, tạm bợ v.v... rồi muốn phá hoại cho nó tiêu tan, như câu chuyện: Khi Phật còn tại thế, một hôm giảng đạo Ngài nói về pháp “Quán thân bất tịnh”. Sau đó Ngài tuyên bố với chúng Tăng để cho Ngài ở yên một thời gian ba tháng, không ai được thăm viếng chỉ trừ một người thị giả thôi. Sau ba tháng trở ra Ngài thấy số Tỳ Kheo bỗng nhiên thưa thớt đi. Ngài hỏi lý do, thì A Nan thưa rằng: Sau khi nghe Thế Tôn giảng về pháp “Quán thân bất tịnh”, các Thầy Tỳ Kheo quán thấy thân này nhớ nhớp quá nên một số Thầy mượn người giết đi để khỏi còn thấy mặt nữa! Phật liền họp các Thầy Tỳ Kheo lại, chế giới ngăn cấm: “Không ai được mượn người giết, nếu mượn giết là phạm giới”. Đó là hạng thứ nhất.

-Hạng người thứ hai thì trái lại, họ quá quan trọng thân này, quanh năm suốt tháng cứ một bề lo bồi bổ tưng tu chịu chuộng cái thân, không dám dùng nó vào việc gì, mặc dù việc đáng làm và nên làm.

Hai hạng trên đều trái với tinh thần đạo lý của Phật dạy. Phật nói thân này là vô thường, bất tịnh v.v... là chỉ rõ lẽ thật cho chúng ta nhận thấy để khỏi đắm mê chạy theo dục lạc. Khi hiểu rõ rồi, chúng ta lại phải lợi dụng nó để tiến tu hoặc làm các việc lợi ích cho mọi người... chứ không phải hiểu rõ lý vô thường để bi quan chán đời rồi đi tự tử, thật là một điều làm lẫn!

Với cặp mắt của người tu Phật, vẫn thấy thân này là giả tạm vô thường, không đáng kể, nhưng họ vẫn giữ lấy thân này để làm phương tiện tiến tu. Như người muốn qua sông, vẫn biết khúc gỗ mục không đáng giá chút nào, nhưng lúc chới với giữa dòng vẫn phải dùng nó làm chiếc phao khi mình chưa đến bờ. Có ai dại đột gì, khi còn lênh đênh

ngoài biển mà vội bỏ “bè” không? Cũng thế, khi chưa đạt đạo thì phải mượn thân này làm thuyền bè để đến bờ giác ngộ. Khi qua đến bờ lúc đó bỏ bè cũng không muộn gì. Nếu chưa đạt đạo mà vội hủy bỏ thân là một điều lầm lẫn đáng tiếc!

Trong Kinh chép: Một hôm Phật khơi một chút đất dính đầu móng tay đưa lên hỏi trong chúng hội:

“Đất đầu móng tay nhiều hay đất quả địa cầu nhiều?” Trong chúng hội đều đáp: “Bạch Thế Tôn, đất quả địa cầu rất nhiều, so với đất đầu móng tay có thấm vào đâu!”. Phật kết luận: “Cũng thế, chúng sanh khi bỏ thân này rồi mà trở lại được thân người rất ít như đất đầu móng tay, còn đi vào các thú thì nhiều như đất quả địa cầu”.

Cũng nói ý này Cổ Đức có câu: “Trăm năm cây sắt trở hoa còn dễ, một phen mất thân này, muôn kiếp khó tìm” (Thiên niên thiết thọ khai hoa dị, nhứt thất nhơn thân vạn kiếp nan).

Vì thế, chúng ta là hành giả đang đi trên lộ trình xa vắng, phải có quan niệm chính xác đối với thân này để khỏi phải dở dang giữa đường mà chưa đạt đến bờ kia!

3. Kinh Nhơn Quả:

Một hôm Phật ở nước Xá Vệ rừng Kỳ Đà vườn ông Cấp Cô Độc, tôi nghe như vậy:

Khi ấy vua Ba Tư Nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, bạch Phật:

-Thế nào Thế Tôn! Bà La Môn chết rồi trở lại sanh trong dòng Bà La Môn chăng? Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà la cũng thế chăng?

-Đại Vương! Đâu được như vậy. Đại Vương nên biết có bốn hạng người:

1. Có người từ tối vào tối.
2. Có người từ tối vào sáng.
3. Có người từ sáng vào tối.
4. Có người từ sáng vào sáng.

Đại Vương! Thế nào là hạng người từ tối vào tối?

-Có những người sanh ra trong nhà ty tiện hoặc nhà Chiên Đà La (Candala), nhà làm lưới bẫy, nhà đưng đất, nhà thợ mộc và các nghề nghiệp hạ tiện, nghèo cùng, chết yểu, thân thể xấu xa, mà lại làm những nghề hạ tiện, cũng bị người sai làm những việc hạ tiện, ấy gọi là tối.

Ở trong chỗ tối, người kia lại thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, do nhơn ấy thân hoại mạng chung sẽ sanh cõi ác đọa địa ngục. Ví như có người từ tối vào tối, từ nhà xí vào nhà xí, dùng máu rửa máu, xả ác thọ ác, người từ tối vào tối cũng như thế.

Thế nào là người từ tối vào sáng?

-Có những người sanh trong gia tộc ty tiện, cho đến làm nghề hạ tiện, ấy gọi là tối. Nhưng người kia ở trong chỗ tối này, thân hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, do nhân duyên ấy thân hoại mạng chung, sanh vào cõi lành, được hóa sanh lên cõi trời. Ví như có người bước lên chõng, từ chõng cưỡi ngựa, từ ngựa lên voi, từ tối vào sáng cũng như thế.

Thế nào là người từ sáng vào tối?

-Có những người sanh trong gia tộc giàu sang hoặc nhà Sát Lợi giàu sang, hoặc nhà Bà La Môn giàu sang, nhà trường giả và các gia đình giàu sang nhiều tiền của, tài trí, nhiều trí thức, thân tốt đẹp, thông minh trí tuệ, ấy gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân hành ác, khẩu hành ác, ý hành ác, do nhân duyên ấy thân hoại mạng chung sanh cõi ác, đọa địa ngục. Ví như có người từ lầu cao xuống cưỡi voi, từ voi xuống lưng ngựa, từ ngựa xuống xe, từ xe xuống chõng, từ chõng xuống đất, từ đất rơi xuống hầm, từ sáng vào tối cũng như thế.

Thế nào là người từ sáng vào sáng?

-Có những người sanh trong gia tộc giàu sang cho đến hình tướng tốt đẹp. Ở trong chỗ sáng này tâm hành thiện, khẩu hành thiện, ý hành thiện, do nhân duyên này thân hoại mạng chung sanh cõi lành được hóa sanh cõi trời. Ví như có người từ lầu đẹp đến lầu đẹp, như thế cho đến từ chõng đến chõng, người từ sáng vào sáng cũng như thế. Khi ấy Thế Tôn nói bài kệ:

Người bần cùng khốn khổ

Không tin thêm sân hận

Sân tham tưởng ác tà

Si mê không cung kính

Thấy Sa Môn, Đạo Sĩ

Người trì giới, đa văn

Chê bai, không khen ngợi

Chướng người trí kẻ thọ

Kẻ sĩ phu như thế

Từ đây đến đời sau
Sẽ đọa trong địa ngục
Từ tối vào nơi tối.
Nếu có người bàn cùng
Tin tâm ít sân hận
Thường sanh tâm tầm quý
Bố thí lia xan tham
Thấy Sa Môn, Phạm chí
Người trì giới, đa văn
Thấp mình và thăm hỏi
Tùy nghi khéo giúp đỡ
Khuyên người khiến bố thí
Khen thí và người thọ
Người tu thiện như thế
Từ đây đến đời sau
Cõi lành sanh lên trời
Từ tối vào nơi sáng.
Có sĩ phu giàu vui
Không tin nhiều sân hận
Sân tham, tật tướng ác
Tà si không cung kính
Thấy Sa Môn, Phạm chí
Chê bai không khen ngợi
Chướng ngại người bố thí
Cũng đoạ người thọ thí
Sĩ phu ác như thế
Từ đây đến đời sau
Sẽ sanh địa ngục khổ
Từ sáng vào trong tối.
Nếu có sĩ phu giàu

Tín tâm không sân hận
Thường khởi tâm tầm quý
Huệ thí lia sân đồ
Thấy Sa Môn, Phạm Chí
Người trì giới, đa văn
Trước kính đón thăm hỏi
Tùy nghi cấp chỗ cần
Khuyên người khiến cúng dường
Khen thí và thọ thí
Kẻ sĩ phu như thế
Từ đây đến đời sau
Sanh tam thập tam thiên
Từ sáng vào nơi sáng.

Phật nói kinh này rồi, vua Ba Tư Nặc nghe Phật nói hoan hỷ tùy hỷ làm lễ rồi lui đi.

BÌNH:

Đọc qua bài kinh Nhân Quả trên, chúng ta thấy lý nhân quả của đạo Phật rất rộng rãi và phóng khoáng. Bởi một số đông người trong thế gian làm chấp: Hễ người chết sanh cõi người, trời chết sanh cõi trời, thú vật chết sanh thú vật v.v... Họ đâu biết cuộc sống của chúng ta là một dòng chuyển biến, chuyển biến liên tục từng sát na. Từ khi chào đời đã chịu quả báo nghiệp nhân của quá khứ. Dần dần thành một con người là nó đã tạo thêm nghiệp mới. Nếu gặp duyên lành ở trong hoàn cảnh tốt, gần thiện tri thức dạy điều lành, điều tốt thì nó sẽ tiến lên các cõi lành. Trái lại gần người ác, hoàn cảnh xấu xa nhiễm theo nghiệp ác, nó sẽ đọa xuống các cõi dữ. Như thế cứ tiếp tục thăng trầm từ đời này sang kiếp khác, không bao giờ dứt (gây nghiệp trả quả báo, trả quả báo rồi gây nghiệp v.v...)

Vì thế ở đây Phật nêu lên bốn hạng người:

Người từ tối vào tối.

Người từ tối vào sáng.

Người từ sáng vào tối.

Người từ sáng vào sáng.

-Hạng người thứ nhất là người kém phước đức. Đời trước đã gieo nhân bất thiện, nên hiện nay gặp quả báo sanh chỗ xấu ác. Thế mà cũng chẳng biết làm thiện để chuyển đổi nghiệp nhân đau khổ, họ đành chịu quả khổ mãi mãi (như từ tối vào tối).

-Hạng người thứ hai, cũng ở trong hoàn cảnh xấu ác (của nghiệp qua khứ), nhưng họ biết chuyển nghiệp dữ thành nghiệp lành, tức họ hết khổ đau (như từ tối vào sáng).

-Hạng người thứ ba là hạng người có phước đức, do đời trước tạo nhân tốt, đời này hưởng quả lành, nhưng họ không biết tu tiến, cứ tha hồ thụ hưởng dục lạc, gây tạo ác nghiệp để rồi phải gặt hái quả khổ đau (như từ sáng vào tối).

-Hạng người thứ tư, người này vừa có phước đức lại biết huân tu nghiệp lành, tránh xa nghiệp ác. Người này mỗi ngày một tiến lên, tâm trí sáng ngời, tương lai họ sẽ lên quả giải thoát (như từ sáng vào sáng).

Tóm lại trong bốn hạng người nói trên, có hai hạng biết cầu tiến (hạng thứ hai và thứ tư) và hai hạng không biết cầu tiến (hạng thứ nhất và thứ ba). Như thế việc tu hành có tiến hay thoái đều do chúng ta có chịu chuyển đổi nghiệp nhân hay không, chứ không phải do ai định đoạt. Và nghiệp nhân cũng không phải cố định thiện ác... mà tùy chúng ta chuyển đổi đó thôi.

Biết được lẽ này, chúng ta mới nỗ lực tu thiện, đoạn ác, và không kẹt vào hai chấp “thường” và “đoạn” của ngoại đạo.

4. Giữ gìn gia bảo

Một hôm Phật bảo các Thầy Tỳ Kheo rằng: Nay các Tỳ Kheo! Trong hàng đệ tử của ta có chia làm bốn hạng người. Thế nào là bốn?

1. Hạng người ngoài chín trong sống.
2. Hạng người ngoài sống trong chín
3. Hạng người ngoài sống trong sống
4. Hạng người ngoài chín trong chín.

-Thế nào là hạng người ngoài chín trong sống?

Tức là những kẻ tu hành bên ngoài thấy thanh tịnh nghiêm trang mà bên trong thì buông lung, tư tưởng không thể điều phục.

-Thế nào là hạng người ngoài sống trong chín?

Tức là những kẻ bên trong thanh tịnh nhưng ngoài thì hạnh thô tháo phóng túng.

-Thế nào là người ngoài sống trong sống?

Tức là những kẻ trong ngoài đều không thanh tịnh.

-Thế nào là người ngoài chín trong chín?

Tức là những kẻ trong ngoài đều thanh tịnh.

Này các Tỳ Kheo! Chính hạng người sau cùng này mới là hạng thanh tịnh chơn thật, xứng đáng là người giữ gìn gia bảo của Như Lai.

BÌNH:

Đọc qua bốn hạng người trên, chúng ta mỗi người hãy tự kiểm điểm lại xem mình thuộc hạng người nào?

Chúng ta có phải là kẻ chỉ lo trau dồi cái hình tướng bề ngoài cho trang nghiêm thanh tịnh ra dáng tu hành tinh tiến lắm, nhưng trong lòng để rơm rác đầy dẫy, chất chứa bao nhiêu là tư tưởng xấu xa đen tối mà không hề có phút giây chiếu soi trở lại, điều phục lấy mình. Thật hổ thẹn xiết bao! Có biết đâu đối người thì đặng nhưng đối mình thì không thể đặng. Một khi nhân duyên chín mùi, chiếc áo đẹp bên ngoài rã nát thì những gì chứa ẩn bên trong lâu nay nó bày hiện ra cả, nhân nào quả nấy, chúng ta tự thọ khổ, che đậy được đâu? Ngoài chín mà trong sống không thể dùng đặng.

Hoặc kẻ bên ngoài thì buông lung phóng túng, hạnh lại thô tháo, có ai nhắc nhở cho thì bảo: “Tôi tự giữ bên trong”. Thật lắm to! Nếu bên trong đã được thanh tịnh thì có gì lại hiện tướng thô tháo? Trừ một vài trường hợp Bồ Tát hiện thân đặc biệt, vì cảm hóa một số người nào đó, còn ngoài ra e rằng chúng ta bị ma mê hoặc mà không hay. Dù quả thật chúng ta có được trong lòng như “Thánh” chẳng nữa, song chung quanh chúng ta bao nhiêu người họ còn đang sống với phàm tình, đâu hiểu thấu được bên trong chúng ta thế nào. Do vậy, thấy hành động chúng ta qua thô, họ đâm ra hủy báng chánh pháp, chê bai Tam Bảo; vô tình chúng ta đưa họ vào con đường tội lỗi càng sâu. Như vậy chúng ta cũng chưa tròn được bản nguyện tự lợi, lợi tha. Cho nên dù chúng ta có được trong lòng vô sự chẳng nữa, nhưng vì lợi tha cần phải cẩn thận oai nghi không thể thô xuất. Đừng để trong chín mà ngoài sống.

Còn kẻ cả trong lẫn ngoài đều chẳng thanh tịnh thì sao? Hy vọng chúng ta không thuộc hạng này!

Hạng sau cùng, trong tâm sáng ngời với trí tuệ. Ngoài thân giới hạnh tinh nghiêm không chỗ kiếm khuyết gọi là “Như ngọc lưu ly ngậm ánh trăng” suốt cả trong ngoài. Quả thật một bậc trí và hạnh tròn đầy, không để cho thế gian tìm thấy lỗi. Được như vậy thì khỏi phải cầu Như Lai thọ ký nhưng

Thế Tôn đã tán thán lắm rồi! Vậy chúng ta có phải là hạng này chăng?

Xét kỹ lại, bốn hạng trên tuy nói riêng biệt, song nhìn lại trong mỗi chúng ta cũng tự có đủ cả, đâu lạ gì? Lúc ngoài thân thanh tịnh mà trong tâm thô động là hạng thứ nhất chứ gì? Lúc ngoài thân tuy thô động mà trong tâm giữ gìn được thanh tịnh là hạng thứ hai. Lúc cả trong ngoài đều thô động là ở hạng thứ ba. Lúc trong ngoài đều thanh tịnh là ở hạng thứ tư. Ba hạng trước, hai hạng 1 và 3 thì thiếu thật tu, hạng hai có tu nhưng còn khuyết điểm, chỉ hạng thứ tư mới là trọn vẹn tròn đầy.

Tóm lại, nếu chúng ta chưa hẳn như hạng thứ tư này thì phải cố gắng thêm lên cho được khế hiệp, sau này sẽ là bậc lợi lạc khắp nhân thiên.

5. Con vật nào mạnh hơn

Trong Tương Ưng Bộ Kinh, Phật kể câu chuyện: Như có sáu con thú: khỉ, dã can, cá sấu, chim, chó sói, rắn. Người ta bắt sáu con thú này cột chung lại một chùm. Mỗi con đều dùng hết sức mạnh của mình lôi mỗi hướng. (Khỉ lôi lên cây, cá sấu lôi xuống biển, chim bay lên hư không, dã can lôi vô gò mả, rắn lôi vô hang, chó sói lôi vô bụi rậm). Trong trường hợp ấy nếu con nào mạnh sẽ kéo những con khác theo hướng của mình nhắm.

Cũng thế, mỗi căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của phàm phu, nếu căn nào huân tập chủng tử mạnh, nó sẽ lôi cuốn các căn khác chạy theo nó.

Ví dụ: Như mắt bị nhiễm sắc chạy theo sắc, thì tai cũng ảnh hưởng nhiễm nghe những tiếng của sắc. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy.

Vì thế, Tỳ Kheo các ông phải dùng cây trụ “Thiên Quán” để cột sáu con lại, khi vùng vẫy mệt nó sẽ đứng yên.

BÌNH:

Phật nói sự tương quan của các căn. Căn đối với cảnh nó hấp dẫn tạo thành sức mạnh gọi là “nghiệp”. Bởi nghiệp mới có năng lực dắt dẫn chúng sanh luân hồi trong lục đạo.

Vậy muốn chặn đứng động cơ tạo nghiệp, người tu phải dùng Thiên quán làm cây cột trụ để cột nó đứng lại. Thiên quán cảnh nào?

Quán thân năm uẩn này do duyên hợp tạm có rồi không. Đã do duyên hợp thì đâu có gì thật có và thường còn. Quán thấy rõ như thế thì không còn niệm đắm trước, là cắt đứt dòng tham ái và không còn tạo nghiệp, tức là ra khỏi dòng luân hồi vậy.

Cũng trong Tương Ưng Bộ Kinh, Phật kể câu chuyện: Có một ông vua, một hôm đang ngồi, bỗng

nghe bên cạnh có người khảy đàn Tỳ bà, tiếng kêu thâm trầm lãnh lót. Vua bảo đem đàn lại cho vua xem. Người khảy đàn đem cây đàn lại để trên bàn trước mặt nhà vua. Vua hỏi: “Sao nó không phát ra tiếng hay?”. Người kia giải thích: “Vì nó thiếu tay người khảy”. Vua bảo đem cây đàn ra chẻ từng mảnh và hỏi: “Tiếng đàn ở chỗ nào?”. Và cuối cùng Vua bảo: “Nếu không tìm được tiếng đàn thì hãy đốt nó đi!”. Khi đốt cây đàn thành tro vua liền thổi tro bay theo mây khói, nói: “Chỉ có một chút đó mà làm mê hoặc bao nhiêu người”.

Thân ngũ uẩn giả hợp này cũng như cây đàn kia không khác. Đủ duyên thì giả hợp tạm có, khi duyên hết thì tìm lại có còn đâu?

6. Động cơ gây ra khổ

Thôn trưởng Na Ca Đà hỏi Phật:

-Bạch Thế Tôn, nguyên nhân nào kích động các khổ?

Phật hỏi:

-Nếu trong thôn ông có người chết hoặc có người bị tai nạn, ông có buồn khổ không?

-Bạch Thế Tôn, có khi buồn khổ, có khi không.

-Tại sao?

-Nếu những người chết hoặc bị tai nạn ấy là bà con thân quyến của con thì con buồn khổ. Trái lại con không buồn khổ.

Phật kết luận:

-Gốc của sự buồn khổ là do lòng tham ái vậy.

BÌNH:

Động cơ chính của khổ đau là lòng tham ái. Mà cội gốc của tham ái là do chấp ngã mà ra. Từ chấp ngã nên có ngã sở, tức những liên hệ đến bản ngã như tài sản, vợ con, quyến thuộc v.v... Nếu được thì vui, cố tình giữ gìn không khi nào dám lơ lỏng, lỡ bị mất mát thì buồn bã, khổ đau v.v... Vì thế trong kinh Pháp Cú, Phật dạy:

Do ái sanh ưu

Do ái sanh bố

Nhược ly ân ái

Hà ưu hà bố

Dịch:

Do ái sanh lo

Do ái sanh sợ

Nếu lia ân ái

Đâu lo đâu sợ

7. Quả có theo nhân không?

Một Cư Sĩ đến hỏi Phật:

-Bạch Thế Tôn, con nghe ngoại đạo nói người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối phải bị cảm thọ đau khổ có đúng chăng?

Phật đáp:

-Chưa đúng hẳn! Ví dụ: Như có người ra trận giết được nhiều địch quân, khi về được vua phong thưởng. Như thế tuy sát sanh mà đâu có khổ. Trái lại nếu người ấy giết quan đại thần trong nước sẽ bị tội.

-Ví như có người đến đánh nước khác lấy được tiền của châu báu chở về nước mình, sẽ được vua phong thưởng. Như thế tuy làm việc trộm cướp nhưng đâu có khổ. Trái lại, nếu trộm cướp của vua quan sẽ bị bắt bớ tra tấn khổ sở.

-Ví như có người đến kẻ địch của vua đánh bắt gái đẹp đem về làm người hầu cho vua, sẽ được vua phong thưởng. Như thế tuy làm việc bắt chảnh cũng được vua khen thưởng đâu có khổ sở. Trái lại nếu tư tình với thể thiếp của vua quan sẽ bị hình phạt lưu đày.

-Ví như có người dùng mưu kế dối gạt nước để chiếm lấy đất đai về cho nước mình sẽ được vua khen thưởng. Tuy là dùng lời dối gạt nhưng đâu có khổ. Trái lại, nếu nói dối với triều đình sẽ bị trừng trị.

BÌNH:

Qua thí dụ nói trên, chúng ta thấy người sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối đâu nhất định hiện đời phải chịu quả khổ (có kẻ khổ người vui). Như thế, căn cứ lý nhân quả của Phật dạy có đúng chăng? Tuy nhiên lý nhân quả không sai một mảy, chẳng qua chúng ta chỉ nhìn trên hiện tại mà không biết quá khứ thấy được vị lai. Hễ tạo nhân nào thì kết quả nấy, như sát sanh phải đền mạng, trộm cướp phải trả nợ oan khiên v.v... Kinh Nhân Quả, Phật nói: “Giả sử trăm ngàn muôn kiếp nghiệp không mất, nhân duyên đến quả báo tự mình chịu”. Vậy chúng ta phải có cái nhìn rộng rãi và thấu đáo lý

nhân quả của Phật dạy để khỏi lầm lẫn trong cuộc sống.

8. Tai hại ngũ dục

Một hôm đức Phật kêu các thầy Tỳ Kheo nói:

-Ví như trên núi tuyết, chỗ đất bằng người thú qua lại. Có kẻ lấy nhựa cây gài bên thức ăn để nhử đàn khỉ. Một vài con khỉ vì tham ăn, rời khỏi đàn tìm đến bên thức ăn lấy tay bốc. Ngờ đâu tay vừa bám vào liền bị nhựa dính cứng! Chú khỉ bèn lấy tay kia gỡ ra, thương thay! Lại dính luôn một tay nữa. Chú khỉ lại lấy chân mặt quào ra, và một chân nữa lại dính luôn vào nhựa. Tiếp theo chân trái đồng dính cứng cả. Khổ thay! Chú khỉ chỉ còn cái mồm, chú hy vọng dùng mồm để cạy may ra thoát khỏi. Nhưng than ôi! Nhựa cây kia cũng không chừa lại. thế là hai tay, hai chân và cái mồm chú khỉ dính cứng vào nhựa cây. Thật đáng thương! Người thợ bẫy kia có thể xách chú đi đâu tùy ý.

Này các Tỳ Kheo! Nhựa cây kia ví như ngũ dục, còn năm bộ phận (hai tay, hai chân và cái mồm) dính vào nhựa ví như năm căn.

-Mắt dính sắc.

-Tai dính thanh.

-Mũi dính mùi.

-Lưỡi dính vị.

-Thân dính xúc.

Như chí khỉ kia, khi năm bộ phận dính cứng vào nhựa cây thì tùy ý người kia đem đi. Cũng vậy, người nào năm căn dính cứng vào ngũ dục thì tùy ý ma dẫn đi.

Tóm lại vì không chịu ở nơi địa vực của mình nên mới bị nạn khổ. Thế nào là ở nơi địa vực của mình? Tức là quán “Tứ niệm xứ”. Người thường quán tứ niệm xứ thì không bị lôi, không bị dẫn. Cũng như chú khỉ kia nếu ở trong đàn thì không bị nạn.

BÌNH:

Ngũ dục vốn không hại người, chỉ tại người bỏ quên chánh niệm mà đam mê ngũ dục. Như chú khỉ kia vì ham ăn mà tách ra khỏi đàn nên chịu khổ. Cho nên người tu không khó, chỉ đừng đam mê ngũ dục. Nhưng ngũ dục vốn không lỗi, lỗi tại tâm dấy niệm. Mà dấy niệm tức là động, động thì chẳng phải chánh niệm. Trái lại, tâm nếu không thì cảnh vốn lặng, tuy ở trong ngũ dục mà thường giải thoát. Cho nên trong Tín Tâm Minh có câu:

“Muốn đến nhất thừa, chớ ghét sáu trần.

Sáu trần không ghét, hoàn đồng chánh giác”.

9. Hành động không cố định

Có một vị Ni Kiền Tử đến Phật nói rằng:

-Nếu sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... thì phải đọa địa ngục. Và nếu làm việc gì ở thời gian dài thì ta sẽ hưởng điều đó.

Phật bảo:

-Ông nói như vậy không đúng. Tại sao? Vì nếu nói như ông thì trên thế gian này không mấy ai đọa địa ngục. Nếu làm việc gì thời gian dài sẽ hưởng điều đó, thì sát sanh trộm cướp chẳng hạn, trong một ngày họ chỉ cần hành động chốc lát là xong, ngoài ra thời gian còn lại họ làm việc khác. Như vậy, thời gian sát sanh v.v... thì ngắn, thời gian làm việc khác dài, do đó họ sẽ hưởng cái thời gian dài kia.

Thứ hai nói đến sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... phải đọa địa ngục thì trên đời này không có ai tu được cả. Vì sao? Vì tu hay không tu cũng phải đọa địa ngục thôi. Do đó, ta chỉ nói chớ sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... và nếu lỡ phạm thì hãy sám hối, sửa đổi.

BÌNH:

Chúng ta có cái lầm chấp là cái gì cũng cố định cả. Thiện cố định là thiện, ác cố định là ác, bất di, bất dịch. Chấp như vậy thì không có ai tu hành được, nó cố định như vậy rồi, có tu đi nữa cũng không thay đổi được gì. Vô tình đưa nhau đến chỗ đánh liều, lỡ lầm cho lỡ lầm luôn, không còn hy vọng vươn lên. Vì vậy Phật bác cái chấp tạo ác cố định đọa địa ngục, đem lại cho chúng ta niềm tin ở sự cải thiện. Hy vọng vươn lên, trở dậy, đầu cam chịu giam mình mãi mãi trong tối tăm, tội lỗi!

Còn nói, nếu làm việc gì ở thời gian dài sẽ hưởng điều đó. Giả sử thời gian dài ta làm việc thiện, chỉ thời gian ngắn làm việc sát sanh, trộm cướp v.v... hỏi có phải đọa địa ngục không? Do đó hai câu này có điều mâu thuẫn nhau vậy.

10. Nguyên nhân có kiến chấp

Một Cư sĩ hỏi Phật:

-Bạch Thế Tôn, tại sao ngoại đạo có sáu mươi hai kiến chấp? Như họ chấp: thế giới thường còn, thế giới vô thường, thế giới hữu biên, thế giới vô biên, thân này thật có, thân này không thật có, Niết bàn còn có, Niết bàn không còn có v.v...

Phật đáp:

-Do có thân kiến (chấp thân) nên có cái kiến chấp như thế. Vậy ông có biết thân kiến là gì không?

Cư sĩ thưa:

-Do chấp sắc uẩn là ta, là của ta, thọ uẩn là ta, là của ta, tưởng uẩn là ta, là của ta, hành uẩn là ta là của ta, thức uẩn là ta là của ta, đó là thân kiến.

Phật khen:

-Đúng thế!

BÌNH:

Do chấp ngã (ngũ uẩn làm ta) nên có tranh tụng, từ đó sanh ra sáu mươi hai kiến chấp. Nếu thấy được thân ngũ uẩn giả hợp này như điện chớp, như bọt nước, như sương mai, thì các kiến chấp cũng theo đó mà dứt.

11. Kiết sử và bị kiết sử

Hai Tôn giả cãi nhau về nghĩa kiết sử và bị kiết sử. Một vị bảo kiết sử và bị kiết sử tên tuy khác mà nghĩa đồng. Vị kia nói tên khác nghĩa khác. Hai vị cãi nhau nhưng không ngã lẽ, đến cầu Phật xin giải quyết. Phật dạy:

-Dụ như hai con bò (một đen một trắng) bị tròng vào một cái ách. Vậy con nào trói cột con nào, hay tại cái ách trói cột cả hai con, làm cho mất tự do?

Cũng thế, mắt thấy sắc “niệm dấy khởi” tức trói cột (kiết sử), chớ mắt và sắc nguyên lai là vô sự. Năm cảm kia: tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng đều như vậy.

BÌNH:

Căn trần không lỗi mà lỗi bởi “thức”. Thức có phân biệt tốt xấu, v.v... mới khởi niệm yêu ghét, tham sân theo đó mà hiện. Do có tham sân nên mới tạo thành nghiệp dẫn đi trong luân hồi. Trái lại, nếu không khởi niệm yêu ghét thì tham sân không khởi, tham sân không khởi thì không tạo nghiệp, không tạo nghiệp tức là dứt sanh tử.

Để làm sáng tỏ ý này, xin dẫn bài kệ của Cổ đức:

Kiến sắc phi can sắc

Văn thính bất thị thính

Sắc thính vô ngại xứ

Thân đạo Pháp Vương thành.

Dịch:

Thấy sắc không dính sắc

Nghe tiếng chẳng mắc tiếng

Sắc tiếng nếu không ngại

Thẳng đến thành Pháp vương (Phật).

12. Tạo cái vui nào là nhân tốt

Một vũ kịch sư đến hỏi Phật:

-Con nghe ngoại đạo nói: Ai vũ kịch hay làm cho nhiều người vui, sau khi chết sẽ sanh lên cõi trời "Hỷ tiếu" có phải vậy chăng?

Phật lặng thinh không đáp. Ông lặp lại câu hỏi trên ba lần. Phật mới nói:

-Người vũ kịch vui làm tâm người buồn lung, ba độc (tham sân si) dấy khởi. Do tạo nhân ấy sẽ mắc quả báo sanh địa ngục "Hỷ tiếu".

BÌNH:

Người ta dễ ngộ nhận, cứ nghĩ nếu làm bất cứ việc gì cho người khác vui thích là được phước lành. Nhưng họ đâu biết vui có nhiều thứ. Nếu vui trong tịch tĩnh trong sáng, dứt các vọng niệm, phù hợp với đạo lý là vui trong sạch, vui giải thoát. Trái lại, vui theo ngũ dục, chạy theo sắc đẹp, tiếng hay v.v... làm tâm thần dao động, phiền não phát sinh, là vui theo trần tục, kiết tập nhân sanh tử.

Như vậy, nếu người tạo nhân nào gây cho người khác cái vui nào, kết quả lên xuống rõ ràng không thể lầm lẫn.

13. Pháp vẫn còn đó

Ngài Xá Lợi Phất tịch, ông Cunda sau khi thiêu xong gom lấy Xá lợi cùng y bát của Ngài đem đến trình Phật. Ngài A Nan trông thấy buồn bã thưa với Phật:

-Ngài Xá Lợi Phất là thầy giáo giới cho con, con thường tin tưởng nơi Ngài, mà nay đã tịch rồi! Ôi chán ngán quá! Con không còn đủ tinh thần để tu nữa!

Phật hỏi A Nan:

-Xá Lợi Phất tịch, nhưng giới uẩn có đem theo chăng?

-Thưa Thế Tôn, không đem theo.

-Định uẩn có đem theo không?

-Thưa Thế Tôn, không đem theo.

-Tuệ uẩn... cho đến giải thoát tri kiến uẩn có đem theo chăng?

-Thưa Thế Tôn, không có đem theo.

Phật bảo:

-Như vậy, Xá Lợi Phất tuy đã tịch nhưng "pháp" vẫn còn đó, ông cứ y đó mà tu hành, có gì phải buồn chán?

BÌNH:

Chúng ta có thói quen trông cậy bên ngoài mà ít khi tin tưởng nơi mình. Trên đường tu hành còn xa, nếu không sáng suốt nhận ra chánh pháp để thực hành đem lại niềm tin vững chắc cho chính mình, cứ phải trông cậy nơi thầy bên ngoài mãi, e có lúc ta phải chới với giữa đường, không chỗ nương tựa. Vì thầy dù có thương xót giúp đỡ chúng ta, nhưng cũng giới hạn. Còn tự nhận ra "pháp" mới chính là ông thầy chơn thật giúp ta trên trọn quãng đường. "Pháp" đó ở đây Phật gọi là Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, chỗ khác gọi là Trí Tuệ Bát Nhã, Pháp thân hay Bản Lai Diện Mục. Chúng ta khéo sống với cái ấy mới là chỗ nương tựa lâu dài; khỏi phải buồn lo mất mát, xa lìa.

14. Dễ quên hay dễ nhớ

Có ông Bà La Môn tu Mật tông đến hỏi Phật:

-Con có khi có những bài chú chưa từng học mà bỗng nhiên nhớ cả, có khi có những bài chú đã học thuộc lòng mà lại quên, như vậy là sao?

Phật nói: Có hai nguyên do:

1. Khi quên là bị năm món triền cái (tham, sân, thù miên, trạo hối, nghi hoặc) nó che đậy khiến tâm trí bị mờ đi, do vậy dễ quên.

2. Khi nhớ, lúc rảnh rang tạm thời xa lìa năm món triền cái, nên tâm trí sáng suốt nhớ được nhiều việc.

Ví dụ: Như một bát nước trong, ta đem hòa vào màu xanh, vàng, đỏ... làm mất đi sự trong suốt, nên nhìn vào bát nước ta khó thấy được mặt đáy. Cũng vậy, khi tâm có sự tham nhiễm thì làm mờ đi trí sáng suốt.

-Như bát nước trong đem đun sôi sùng sục, nhìn vào đâu thấy được mặt đáy. Cũng vậy, lúc ta nổi sân thì tâm sôi động, bứt rứt, quên mất sáng suốt.

-Như bát nước trong bị rong rêu phủ, nhìn vào chẳng thấy được mặt đáy. Khi thù miên, tâm trí mờ màng khó nhớ.

-Như bát nước trong bị lắc lư dao động, ta nhìn vào, mặt mày dao động khó thấy. Cũng vậy, khi trạo hồi thì tâm không yên nên khó nhớ.

-Như bát nước trong, vừa khuấy động vừa để chỗ tối, lúc nhìn vào ta cũng không thấy được mặt mày. Cũng vậy khi tâm nghi hoặc thì trí bị mờ, không nhớ được việc lâu xa.

Tóm lại, có năm món phiền cái (triền: trôi buộc; cái: phủ che) thì trí nhớ lu mờ, không năm món triền cái thì trí nhớ sáng lẹ.

BÌNH:

Điều này cho chúng ta thấy cái sáng suốt vốn sẵn có nơi tâm thể bình thường, chớ không từ đâu đem lại, chỉ vì tâm khởi thất thường trở thành điên đảo vọng động nên cái sáng suốt ẩn đi như là tâm trong sáng bị che phủ bởi năm triền cái. Muốn trí tuệ sáng soi chúng ta cứ sống trở lại với tâm bình thường (như bát nước trong) thì năm món trôi buộc kia không còn che phủ nữa, ngay đó trí tuệ hiện tiền không đâu xa cả.

15. Cái già sẵn trong trẻ

Một hôm Phật đi khát thực trong thành Xá Vệ trở về. Chiều hôm đó nghe trong người hơi lạnh, Ngài ra ngồi phơi nắng, vén y để lộ làn da lưng nhăn nheo. Thấy vậy Ngài A Nan xoa lưng Phật than rằng:

-Ôi! Da dẻ Thế Tôn không còn láng mịn như thuở xưa nữa! Lưng Ngài đã hơi khòm tới trước, còn đâu những gì của thời trai tráng!

Phật bảo:

-Đúng thế, A Nan! Già nó ở sẵn trong trẻ, cái chết nằm trong cái sống. Thân ta rồi đây cũng hư hoại một lúc nào đó không tránh khỏi.

BÌNH:

Có sanh ắt có tử, có thành thì có hoại, sự vô thường hằng chi phối cả thế gian không chừa một ai. Dù Phật đi nữa nhưng nếu còn mang cái thân giả hiệp này thì cũng đồng chịu sự sanh, già, bệnh, chết, vô thường, biến hoại. Vì sao? Vì nó là cái tử duyên mà được.

Có một số người thắc mắc: “Đã là Phật sao còn già, còn chết?”

Quả thật chúng ta lầm lẫn quá lớn! Thành Phật đâu phải thành cái da hôi thúi này. Mà thành Phật là thành cái tâm trí tuệ thấy đúng lẽ thật. Nếu nhận cái thân này, tám mươi năm này là Phật, tức là hủy

báng Phật vậy. Rõ ràng người này chưa thấy được chân Phật.

Thân vàng tượng sáu, ba mươi hai tướng tốt nay thời còn đâu? Thế mà có kẻ còn muốn luyện phép này phép nọ, hy vọng ôm giữ cái thân bèo bọt này cho đến ngàn năm muôn thuở, há có phải mê muội lắm chăng?

Hiểu được lẽ này chúng ta cần phải nỗ lực tiến tu. Vì cơn vô thường hằng theo đuổi chúng ta không rời một giây phút nào, và cái chết chực sẵn bên ta không hẹn ngày giờ, nếu cứ để xuôi trôi thả qua ngày e có lúc phải hối hận!

Chúng ta còn có thì giờ để hẹn nay hẹn mai nữa sao?

16. Có pháp môn nào?

Hôm nay tôi đọc trong Tương Ưng Bộ Kinh thấy có một bài kinh chưa từng nghe. Bài kinh tựa là “Có pháp môn nào?”.

Phật nói rằng:

-Này các Tỳ Kheo! Chẳng phải do niềm tin, chẳng phải do người truyền, chẳng phải do học vấn mà khi mất đối với sắc, tai đối với thanh, mũi đối với hương v.v... biết có tham sân si, không tham sân si, thì cái biết ấy (biết có tham sân si, không tham sân si) là có pháp môn nào?

BÌNH:

Nói có pháp môn đó như là quán Tứ Niệm Xứ, câu niệm Phật hay câu thoại đầu chẳng hạn, còn khi sáu căn đối với sáu trần “Biết” có tham sân si hay không tham sân si thì “cái biết” đó là pháp môn gì? Ai truyền? Do học mà được chăng? Như thế cùng với Thiền có khác nhau gì? Như Ngài Tuyết Phong sau khi ở Đức Sơn về, có vị Tăng hỏi:

-Hòa Thượng đến Đức Sơn được cái gì đây?

Tuyết Phong đáp:

-Ta đi tay không về tay không.

Thử hỏi Ngài được cái gì? Cùng với trên có gì khác nhau? Cho nên Đức Sơn cũng nói:

-Tông ta không ngữ cú, không một pháp cho người.

Xưa nay chúng ta chỉ nghe Tổ nói, bây giờ đây mới nghe Phật nói, mà đây là bài Kinh của Phật giáo Nguyên Thủy. Chúng ta mới thấy rõ từ trước Phật đã nói như thế rồi, chớ đâu phải Thiền là cái gì bày đặt ra!

Giờ đây, qua cái biết vọng của chúng ta hằng ngày. Có vọng biết có vọng, không vọng biết không vọng, thì “Cái biết” có vọng, không vọng đó là pháp môn gì? Ai truyền cho? Cùng với cái “Biết” có tham sân si, không tham sân si trong kinh đầu khác! Kia nói tham sân si, đây nói là vọng tưởng hay vọng niệm vậy thôi.

Nhờ đọc trong Kinh rồi chúng ta mới có thêm niềm tin sâu xa vững chắc nơi đường lối tu của mình, không thì chúng ta cứ chạy Đông chạy Tây rốt cuộc không đi đến đâu hết.

Vậy thì, có vọng Biết có vọng, không vọng Biết không vọng. Cái Biết này là pháp môn gì?

17. Kinh ngũ âm vô thường

Một hôm Phật ở xứ A Tỳ Đà (Ayyojjhà) bên cạnh sông Hằng, tôi nghe như vậy:

Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo: Ví như sông Hằng dòng nước chảy mạnh, kết tụ thành hòn bọt, người sáng mắt nhìn kỹ phân biệt, biết nó không thật không bền chắc. Vì có sao? Vì các hòn bọt kia bên trong không chắc thật như thế. Tỳ Kheo! Các sắc tướng, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo xem kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ không, phi ngã. Vì có sao? Vì sắc không chắc thật vậy. Chư Tỳ Kheo! Ví như mưa to bong bóng nước vừa hiện, chợt tan, người sáng mắt nhìn kỹ, suy nghĩ biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì bong bóng nước kia không chắc thật vậy. Như thế Tỳ Kheo! Các thứ thọ, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo xem kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì thọ không chắc vậy. Chư Tỳ Kheo! Ví như cuối mùa xuân, đầu mùa hạ trời không có mây, không chuyển mưa, khi mặt trời đứng trưa thấy ngựa nắng chập chờn, người sáng mắt nhìn kỹ suy xét phân biệt nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì những con ngựa nắng kia không chắc thật vậy. Như thế Tỳ Kheo! Các thứ tưởng, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo xem kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì tưởng không chắc vậy. Chư Tỳ Kheo! Ví như người sáng mắt đi tìm thứ gỗ rắn chắc, vác búa bèn vào rừng, thấy cây chuối ngay thẳng, dài lớn, liền chặt gốc rễ ngọn, rồi lột lần từng bẹ một, tron không thấy gỗ, nhìn kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì cây chuối không chắc thật vậy. Như thế Tỳ Kheo! Các thứ hành, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo nhìn kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật,

không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì các thứ hành kia không chắc thật vậy. Chư Tỳ Kheo! Ví như thầy huyền thuật ở ngã tư đường cái, thuật ra những thứ tượng binh, bộ binh, người có trí sáng mắt, nhìn kỹ suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc. Vì có sao? Vì những thứ huyền thuật kia không chắc thật vậy. Như thế, Tỳ Kheo! Các thứ thức hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, thô tế, tốt xấu, xa gần, Tỳ Kheo nhìn kỹ, suy xét phân biệt, biết nó không thật, không bền chắc, như bệnh, như nhọt, như đâm, như giết, vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì có sao? Vì thức không chắc thật vậy.

Khi ấy Thế Tôn muốn trùng tu nghĩa này nói bài kệ:

Quán sắc như hòn bọt

Thọ như bong bóng nước

Tưởng như ngựa nắng

Chư hành như cây chuối

Các thức như huyền hóa

Bậc tôn quý đã nói

Chung quanh suy xét kỹ

Chánh niệm khéo quán sát

Không thật không kiên cố

Không có ngã, ngã sở

Đối thân khổ ám này

Đại trí phân biệt nói

Người lia ba pháp kia

Thân đã thành vật bỏ

Thọ noãn và các thức

Lìa các thân phần này

Bỏ luôn ngoài nghĩa địa

Như cây không hiểu biết

Thân này hẳn như thế

Đối trá gạt kẻ ngu

Như giết, như trúng thương

Không có sự bền chắc

Tỳ Kheo cần tu tập
 Quán sát âm thân này
 Ngày đêm hằng chuyên tinh
 Chánh trí buộc niệm trụ
 Hành hữu vi thường dứt
 Hằng được chỗ thanh lương.

Bấy giờ chư Tỳ Kheo nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

BINH:

Đây là hình ảnh vô thường của ngũ ấm (hay ngũ uẩn) mà Phật diễn tả rất rõ ràng:

Trước tiên Phật dạy chúng ta quán sắc ấm như hòn bọt. Đã là bọt nước thì đâu có lâu bền. Bởi sắc ấm không thật có, do các duyên nhóm hợp tạm có (dụ như trong thân ta, phần cứng thuộc đất, phần lỏng thuộc nước, hơi thở thuộc gió, nhiệt độ thuộc lửa). Bởi do duyên hợp, nên đủ duyên tạm có, thiếu duyên nó tan hoại. Vì vậy Phật dùng hòn bọt để thí dụ cho sắc ấm.

Thứ hai, quán thọ ấm không thật như bong bóng nước. Thọ đâu có thật, do sáu căn tiếp xúc với sáu trần sanh cảm thọ, như thọ vui, thọ khổ, thọ bình thường v.v... Nhưng những cái thọ này đâu có lâu dài, chỉ thoáng qua rồi mất. Dụ như bong bóng nước, một phen động đến liền tan.

Thứ ba là tưởng ấm không thật như sóng nắng giữa trưa, trên mặt đường trắng tráng nhựa, do ánh nắng phản chiếu, ta thấy sóng nắng chập chờn như ngựa chạy v.v... Sóng nắng do ánh nắng phản chiếu mà có chứ đâu phải thật. Tưởng ấm cũng vậy, do tâm duyên theo cảnh dù cảnh đã qua... nhưng những bóng dáng tiền cảnh còn lưu lại trong tâm thức mỗi khi nghĩ đến thì nó hiện ra. Cái bóng dáng làm sao cho là thật được.

Thứ tư hành ấm không thật. Hành là sự sinh diệt của tâm thức. Trong Kinh Phật nói, mỗi sát na (khoảng chớp mắt) có sáu mươi niệm sinh diệt. Nó như dòng thác chảy, thay đổi tiếp nối rất nhanh, không đứng yên một chỗ, nhưng chúng ta chỉ thấy trên giả tướng của hành ấm rồi cho đó là thật có (thí dụ như cây chuối).

Thứ năm thức ấm không thật như huyền hóa. Ví như nhà ảo thuật kia hóa ra con cọp, nhưng thật ra con cọp đâu có thật, chỉ do thuật mà thôi. Thức là cái phân biệt, sự phân biệt này nó cũng không thật có, tùy chủng tử nghiệp tánh của các loài chúng sanh mà hiện ra khác nhau. Dụ như cái bàn viết

này, với ta là cái bàn viết, trái lại với con mọt là thức ăn của chúng v.v... Vậy cái phân biệt nào là đúng. Vì thế Phật nói thức ấm không thật có.

Tóm lại Phật nói thân ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) là vô thường để phá cái mê lầm chấp ngã ngàn đời của chúng sanh. Khi thấy rõ nó là vô thường, là giả có, là tạm bợ thì lần lần chúng ta sẽ nhẹ tâm si mê chấp ngã (vì nó không thật mà chấp cái gì?). Si mê chấp ngã đã hết thì các phiền não (tham sân si) cũng theo đó mà hết. Đến đây vòng luân hồi đã dứt, mọi khổ ách tiêu tan. Điển hình cho pháp tu này là đức Quán Thế Âm Bồ Tát khi dùng trí Bát Nhã quán sâu năm ấm đều không, liền được xa lìa khổ ách.

18. Không yêu ai hơn tự ngã

Tâm ta đi cùng khắp
 Tất cả mọi phương trời
 Cũng không tìm thấy được
 Ai thân hơn tự ngã
 Tự ngã đối mọi người
 Quá thân thiết như vậy
 Vậy ai yêu tự ngã
 Chớ hại tự ngã người.

Mạt Lợi phu nhân và vua Ba Tư Nặc một hôm cùng luận đạo. Vua Ba Tư Nặc hỏi:

-Chẳng hay ái khanh thương ai nhất trên cõi đời này?

Phu nhân trả lời:

-Tiện thiếp thương yêu đệ hạ nhất.

Và phu nhân hỏi lại:

-Chẳng hay đệ hạ thương yêu ai nhất trên cõi đời này?

Nhà vua trả lời:

-Trẫm yêu thương ái khanh nhất chứ còn ai nữa.

Bà Mạt Lợi lại nói:

-Nếu đệ hạ cho phép, thần thiếp sẽ nói khác đi một chút.

-Được ái khanh cứ nói đi.

-Muôn tâu bệ hạ, thật ra trên cõi đời này, thần thiếp chỉ có riêng yêu thương thần thiếp nhất mà thôi.

Vua nghe qua chừng khó hiểu:

-Vậy là sao? Aii khanh hãy nói rõ hơn.

-Muôn tâu bệ hạ, chỉ vì thần thiếp thương yêu mình, nên muốn bệ hạ ban bố cho thân này được hạnh phúc. Muốn cho thân mình có được hạnh phúc, thần thiếp phải thương yêu bệ hạ. Có thể bệ hạ mới thương yêu lại thần thiếp và ban bố cho tình thương, thần thiếp được hạnh phúc. Vì thương yêu mình, mà thần thiếp yêu bệ hạ.

Nhà vua nghe qua sự thật của “yêu thương” qua phu nhân sủng ái nhất của mình, nhà vua bàng hoàng. Một sự thật xem chừng quá trớ trêu.

Bà Mạt Lợi nói tiếp:

-Như bệ hạ, bệ hạ cũng chỉ yêu thương riêng có bệ hạ thôi. Để hiểu rõ việc này, như thần thiếp đây, nay lại đi yêu đương với một người khác thì bệ hạ nghĩ sao? Có phải bệ hạ chém đầu thần thiếp không?

Đến đây nhà vua đã rõ ý, hiểu được nội vụ vấn đề, Ngài gật đầu:

-Phải chính thế, ái khanh nói rất đúng lý. Trẫm cũng chỉ yêu thương mình trẫm thôi. Ta chỉ có yêu thương tự ngã thôi.

Rồi sau đó vua Ba Tư Nặc và hoàng hậu Mạt Lợi cùng đưa nhau đến ra mắt đức Phật. Nhà vua muốn cầu Phật xác minh điều Mạt Lợi phu nhân đã nói.

Qua sự trình bày của nhà vua, đức Phật lắng nghe và gật đầu chấp nhận lời bà Mạt Lợi. Nhân đó Phật mới nói lên lời pháp như vậy.

BÌNH:

Thật là chí lý! Nếu thành thật nhìn lại tâm mình thì sẽ thấy tâm mình nó là như vậy. Cõi lòng thâm sâu, tiếng nói thâm trầm của con tim mình là như vậy.

Tâm ta đã đi cùng khắp, tất cả mọi phương trời, dạo qua mọi nơi, mọi cảnh, mọi người... Nào tìm thấy ai thân thiết hơn chính ta, thân hơn tự ngã.

Trên đời này không gì thiết tha yêu thương bằng ái tình. Cái tình này nó còn có lúc lướt qua tình phụ mẫu. Trong ái tình, việc đầu ấp tay gối giữa vợ chồng đậm đà như vậy, yêu thương hạnh phúc như vậy. Như vợ chồng bà Mạt lợi, cặp tình nhân này thiên hạ mấy ai hơn? Thật tâm đầu ý hợp. Việc yêu thương đủ cả hai mặt tinh thần và vật chất, xác thịt

và tâm hồn, một cuộc tình thật trọn vẹn. Thế mà để lắng sâu hơn vào tiếng lòng, bà Mạt Lợi đã nghe ra tiếng nói trung thực của mình. Tiếng nói ấy đã núp sâu dưới bao nhiêu lời tình gối chăn với nhà vua qua bao nhiêu năm dài chung sống: “Thần thiếp chỉ yêu thương mình thần thiếp thôi!”. Ta chỉ yêu thương ta thôi! Một phát giác không kém phần phủ phàng! Sự thật nó là vậy.

Và đến lượt nhà vua cũng thế thôi. Nhà vua nghe được tiếng lòng mình. Từ tiếng lòng đó, nó sẽ thôi thúc nhà vua tàn nhẫn hơn để chém đầu “ái khanh” mình, khi mà đương sự ngoại tình!

Đó là gì? Cái “tự ngã” mình bị đụng chạm, bị mất mát, thiếu sự vuốt ve, thiếu sự thọ hưởng.

Như vậy sự thật của cái gọi là “yêu thương” trên cõi đời này là gì? Bên dưới, bề trái của tình yêu nó là như vậy, thì hỏi tình yêu là gì? Và mình có yêu được gì không?

Và để nói lên một sự khá chua chát như vậy, có thể nói: Tình yêu là một sự lợi dụng lẫn nhau qua thân xác và tâm hồn, chằm thỏ mãn tự ngã mà thôi.

Không ai nhìn ra bộ mặt tình yêu. Không ai rờ đụng đến tình yêu. Vì sao? Vì nó không thật có. Mà nó chỉ là sự phóng hiện của tự ngã. Nói yêu người, tức yêu tự ngã, yêu mình.

Như vậy “tự ngã” là cái duy nhất để mình yêu thương. Nói yêu, nói thương, nói gì gì đó, tất cả đều là tiếng nói vì tự ngã. Nên tự ngã thân thiết hơn bất cứ cái gì trên thế gian này.

Hãy suy cùng nghĩ cạn sẽ thấy cái tự ngã đã quá thân thiết với chính mình. Mình đã yêu “tự ngã” muốn giữ gìn “tự ngã” mình, thì phải tôn trọng “tự ngã” người. Vì người cũng yêu “tự ngã” của họ như mình. Vậy thì chớ có tàn hoại tự ngã người. Một người muốn có đời sống cao thượng thánh thiện phải sống như vậy.

Tôn trọng “tự ngã” tức tôn trọng sự tự do, bình đẳng. Đời sống mình và người có được tự do bình đẳng trong nền tảng như vậy thì cuộc đời đáng sống biết chừng nào. Hạnh phúc không cầu mà tự có.

Nếu không như vậy, hạnh phúc trên cõi đời này chỉ là một cái bóng hấp dẫn vậy thôi. Mọi người cùng đổ tìm nó, và rồi chỉ chuốc lấy sự nhọc nhằn ê chề và niềm ngao ngán, bao nhiêu nỗi thống khổ bủa vây.

Đây là một sự thật khá phủ phàng. Dù không đồng ý, chúng vẫn có mặt.

Cuộc đời vì thế có ra lảm chuyện. Và rồi hỏi ai đã đem lại nỗi khổ cho cuộc đời này? Có ai đâu! Chỉ có “cái ta” (tự ngã) làm khổ mình thôi.

Để tạo đời sống tương đối khá dễ chịu cho nhau thì hãy tập sống như lời khuyên này:

Vậy, ai yêu tự ngã

Chớ hại tự ngã người.

PHẦN II: TRÍCH GIẢNG KINH PHÁP CÚ

1. Khen chê không thật

Xưa vị lai và nay

Đâu có sự kiện này

Người hoàn toàn bị chê

Người trọn vẹn được khen.

Bình:

Người hoàn toàn bị chê xưa nay và mai sau chưa từng có.

Người trọn vẹn được khen xưa nay và mai sau chưa từng có.

-Như kẻ uống rượu, được bạn rượu khen. Kẻ cướp, được đồng đảng khen.

Những kẻ xấu xa như vậy, vẫn có người khen, đâu hẳn đã hoàn toàn bị chê.

-Rồi hiền như Phật, vẫn bị ngoại đạo chê. Như chúa Jesus rồi cũng bị đóng đinh trên thập tự giá.

Như vậy để thấy rằng việc khen chê ở giữa cuộc đời này không phải là chân lý. Người được khen nở lỗ mũi, người bị chê xụ mặt, là người ngu si, là kẻ khờ. Chớ vì sự khen chê mà lấy đó làm cuộc sống, hãy sống hợp lẽ đạo mà xa lìa khen chê.

Người Phật tử hãy giữ vững lập trường mà đừng làm lẫn giữa khen và chê. Đừng để cái khen và chê nó xoay ta, chủ động đời ta. Ai khen ai chê cũng mặc, hễ biết mình sống hợp đạo lý thì thôi.

Mặc người chê, mặc kẻ gièm

Lấy lửa đốt trời thêm nhọc xác.

(Chứng Đạo Ca)

2. Si mê là gốc đau khổ

Đêm dài với người thức

Đường dài với kẻ mệt

Luân hồi dài kẻ ngu

Không hiểu chân diệu pháp.

Bình:

Với người thức không ngủ được, thấy đêm sao mà dài lê thê.

Với người đi mệt, thấy con đường nó sao mà dài xa xôi diệu vợi.

Với kẻ ngu thì, thấy cuộc luân hồi dài đằng đẵng không có ngày kết thúc. Bao nhiêu nỗi khổ đau đè nặng trên kiếp người. Ở trong cuộc luân hồi không tìm đâu được lối ra. Và khổ thay đã là kẻ ngu thì có biết đâu là cuộc “luân hồi”! Và có bao giờ nghĩ đến phải ra và tìm đường thoát ra. Nhưng thực trạng cái khổ đau niềm tủi nhục cứ khấn chặt con người họ, và họ phải tự thấy cuộc đời, cái dòng đời này, thật ê chề, thật ngao ngán. Sự thật đó chẳng khác nào kẻ thức khuya không ngủ trong đêm, thấy đêm dài lê thê, và kẻ lữ hành đang trên đường cảm nghe mình mệt mỏi và nhìn lại thấy con đường hãy còn xa thăm thẳm, người mệt, thân nhừ, tất cả việc trước mắt thấy ê chề ngao ngán. Người ngu ở giữa cuộc đời này là như vậy đó!

Tội nghiệp thay! Con người nào hay ngoài nỗi cơ cực của kiếp người, còn có đời sống siêu thoát, đời sống an lành. Đó là đời sống của người hiểu chân diệu pháp. Không hiểu “chân diệu pháp” con người sẽ khổ đau mãi mãi trong kiếp luân hồi. Chân diệu pháp chính là Phật pháp.

3. Biết được lỗi mình mới khó

Dễ thay thấy lỗi người

Lỗi mình biết mới khó

Lỗi người ta phan tìm

Như tìm thóc trong gạo.

Còn lỗi mình che đậy

Như kẻ gian giấu bài.

Bình:

Dễ thấy lỗi người việc ấy không khó, chỉ cần nhìn sơ qua là mình thấy người đó có lỗi rồi. “Vạch lá

tim sâu, quét nhà ra rác” điều này quá rõ ràng. Thấy lỗi người không khó.

Thấy lỗi mình mới thật là khó. Vì thông thường mình vốn thương mình, thì có bao giờ mình chịu cho mình là xấu (có lỗi thì thành xấu), vậy nên có mấy người chịu trở lại tìm lỗi mình, mặt mình dính lọ thì có bao giờ mình thấy, nếu không có người chỉ, không biết xem gương.

Vậy đó mà với lỗi người thì ta phan tìm không bỏ sót. Người ta có giấu mình cũng phải tìm bươi móc cho ra. Việc này giống như việc lượm thóc trong gạo. Gầm đầu lượm từng hạt, lượm thật kỹ. Cái tật này gần như muôn đời ở một con người. Đó là gần như bản chất, một thứ bản chất xấu xa tột bại. Nó được coi là rất trái với thánh đạo.

Ngược lại, với lỗi mình thì bung bít, che đậy giống như người cờ gian bạc lận, giấu đi con bài của mình v.v... để phòng thủ thắng kẻ khác. Một sự giấu giếm thật khéo léo thật tinh vi.

Cái tật chúng sanh là như vậy. Mấy ai chịu gan dạ phơi bày lỗi mình.

Đức Phật đã nói như vậy, là trước chỉ cho con người thấy rõ sự lầm lẫn của mình, thấy rõ ngõ ngách của tâm hồn mình. Thấy rồi để mà khéo chữa đi. Là một Sa Môn, một người tu chớ có thấy lệch lạc như vậy. Mà lúc nào người Sa Môn cũng phải biết rõ lỗi của mình để phát lồ sám hối. Phát lồ tức là phơi bày lỗi lầm, không giấu giếm, mà đưa ra trình lên trước đại chúng, nhận khuyết, nhận lỗi cầu xin sám hối.

Ngài Huệ Năng đã dạy: Thường biết lỗi mình, chớ biết lỗi thế gian.

Tu là cốt để biết rõ mình. Muốn biết rõ mình phải “biết lỗi” mình. Tu mà không biết lỗi mình thì không bao giờ tu tiến được. Những lỗi hiện đời và lỗi từ vô thủy, biết bao lỗi, thế mà không biết, thì sao gọi là tu? Tu là sửa. Sửa là sửa lỗi. Sửa lỗi thành không còn lỗi nữa gọi là tu. Không như vậy, gọi tu là tu làm sao?

Vậy chớ có biết lỗi người. Phải thường biết lỗi mình. Được vậy trong tương quan cuộc sống mình không bị thiên hạ ghét. Mình không nói lỗi người thì ai ghét mình. Và trong việc tu hành, ngày càng tiêu được tội lỗi, nghiệp chướng vơi đi, tâm trí ngày càng sáng thêm. Niềm an vui ngày càng rộng mở. Cuộc sống ngày đó được hạnh phúc. Không cầu mà được.

4. Thấp sáng trí huệ

Như giữa đồng rác nhớp

Quảng bỏ ngoài đường lớn

Chỗ ấy nở hoa sen,

Thơm sạch đẹp lòng người.

Cũng vậy giữa quần sanh,

Uế, nhiễm, mù, phàm tục,

Đệ tử bậc chánh giác

Sáng ngời với trí tuệ.

Bình:

Trong chỗ nhơ nhớp mà sanh hoa sen. Hoa nở thơm sạch, đẹp lòng người.

Ở trong các pháp thế gian: khổ, không, vô thường, vô ngã, bốn điều này người thế tục cho là thường, lạc, ngã, tịnh. Đó là bốn việc: vô thường không phải thường, vô ngã không phải ngã, khổ không phải lạc, nhớp không phải tịnh. Vậy mà họ thấy thường, lạc, ngã, tịnh, cái thấy như vậy là không đúng sự thật. Như bàn tay trắng mà thấy là bàn tay đen. Thấy như vậy là thấy mù. Một cái thấy hoàn toàn không đúng sự thật.

Với các pháp giữa này, người phàm tục đều thấy như vậy, nên gọi là mù.

Từ cái thấy mù như vậy mà chấp lấy các thứ uế nhiễm của thế gian làm sự sống. Chính vì bằng cái thấy mù tối như vậy, nên các pháp ấy đã trở nên trói buộc, làm thống khổ cho người. Đã dính mắc vào nó mong gì thoát ra, càng giầy giụa nó càng khấn chặt. Như những con rắn đã quấn vào mình mà càng vùng vẫy thì nó càng siết cứng và cắn rứt.

Ngược lại đối với bậc đệ tử bậc Chánh giác, hàng Sa Môn, đối với các vật gọi là uế nhiễm: khổ, không, vô thường, vô ngã. Thấy đúng như thật. Cái thấy ấy như đầu đen thấy là đen, bàn tay trắng thấy là trắng. Thấy như vậy là cái thấy của con mắt sáng. Thấy đúng như thật. Cái thấy đó là trí tuệ.

Ở trên tương uế nhiễm mà thấy đúng như thật, thì ngay đó đã được giác ngộ đúng đắn, tức được chánh giác. Cái thấy đó là sáng ngời trí tuệ, đầu còn lầm lẫn nữa. Vì vậy mà giải thoát được ngay trên nó, giải thoát vược lên tòa rộng đời sống thanh tịnh ngay trên nó, có khác gì hoa sen mọc lên nở đẹp giữa nơi nhơ nhớp.

Từ cái thấy này, nếu ở trong pháp Đại thừa, tức thấy rõ “Phiền não tức bồ đề”. Ngay chúng sanh tức là Phật. Ngay cảnh giới chúng sanh như xấu, tức là cõi Phật thanh tịnh đủ bốn tánh: Thường, lạc, ngã, tịnh. Và để phân biệt bốn tánh: Thường, lạc, ngã, tịnh của chúng sanh (bốn cái thường không thật) gọi đây là Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã, Chơn tịnh.

5. Cội gốc luân hồi

Không có một pháp khác

Quần sanh bị bao phủ

Ngày đêm chạy luân chuyển

Như bao bọc bởi si

Và ai phá được si

Đâm thủng khối u ám

Chúng không lưu chuyển nữa

Trong chúng, nhân không còn.

Bình:

Tất cả chúng sinh sẽ bị luân chuyển trong sáu đường không có ngày cùng, đều bởi không thấy được lẽ thật mà khởi tâm điên đảo chớ không có gì khác. Không thấy được lẽ thật tức gọi là si vậy. Cho nên đầu tiên Phật dạy hàng Tỳ Kheo phải thấy rõ Tứ đế như thật. Tiến lên dùng trí Bát Nhã soi thấy năm uẩn đều không. Cả hai đều khởi đầu bằng trí tuệ, nghĩa là thấy mình đúng như thật, thấy sự vật đúng như thật, tức phá được si, dứt nhân luân hồi.

PHẦN III: DIỄN GIẢNG

1. Đặt lại vấn đề tu cho hàng Phật tử tại gia

Tu là gì? Là sửa.

Vậy Phật tử có tu chưa?

Phật tử đi chùa cúng Phật để làm gì?

Việc ấy có gọi là tu không?

Cúng Phật để xin cầu an hay cầu siêu? Đó là việc của Phật tử?

Từ việc này hỏi lại Phật tử. Thí dụ: Phật tử có con cái nó về thăm mình, cho tiền cho quà rồi nó đòi hỏi mình phải đáp ứng lại nó việc này, việc nọ... thì hỏi mình có vui mà nhận quà của chúng không? Chúng

là con cái mình mà lại đặt điều kiện với mình buộc mình phải thỏa mãn cho chúng khi mình nhận tiền của, lễ vật của chúng?

Con cái như vậy là có tốt với cha mẹ không? Phải là con hiền con thảo không? Một bậc cha mẹ nghiêm chỉnh đúng đắn có chấp nhận yêu sách vô lối như vậy của con cái không?

Ở đây việc cúng kiến của Phật tử cũng vậy. Cúng Phật một số lễ vật, tiền của nào đó rồi mong cầu Phật phải độ cho mình điều này điều nọ. Phật phải giúp cho thân nhân mình siêu, giúp cho mình an, thỏa được những việc muốn của mình trong cuộc sống. Mua may bán đất, tai qua nạn khỏi, gia đạo yên lành, con cái nên danh nên phận v.v... biết bao nhiêu việc mình đòi hỏi ở đức Phật với một mớ lễ vật như vậy?

Như vậy đó là mình đã tu chưa? Tu là sửa. Ở đây mình có sửa gì không? Mình chỉ có tham thối, không có sửa gì cả, phải vậy không? Mà tham tức là trái với sự tu rồi. Tu là sửa. Sửa là sửa tham sân si để lần hồi tham sân si không còn nữa. Như vậy mới gọi là tu! Chứ tu gì mà mỗi ngày lòng tham thêm nhiều.

Đem nải chuối, ộp nhang cúng Phật cầu được việc, mừng quá, sau đem hai nải, hai ộp cầu thêm nữa..., như vậy đó là mỗi ngày lòng tham thêm lớn. Và lúc nào việc cầu không còn linh nữa, kiếm chùa khác, Phật khác linh hơn.

Việc cúng kiến đi chùa như vậy ở Phật tử, đó là cái duyên dễ bước vào tà đạo, bước vào mê tín dị đoan. Nghe ở đâu có gì linh thiêng hiển hách, có gì lạ một chút là rủ nhau kéo đến xin xỏ nọ kia v.v... gặp tà ma dẫn dụ là đi vào đạo tà mất nhân chánh giáo.

Đó là chỗ đáng tiếc cho quý Phật tử. Đã có tâm tốt mà gieo nhân không chính xác, không cần hiểu Phật pháp ra sao. Thành ra cũng đồng làm một việc mà người hiểu biết thì có kết quả tốt, còn người không hiểu biết thì kết quả chẳng ra gì.

Cũng chỉ một ộp nhang nải chuối mà người hiểu được Phật pháp thì gặt được pháp lành an vui, còn người không hiểu thì chỉ thêm sự rối rắm đau buồn, nếu không nói là hoài công vô ích.

Nói như vậy để Phật tử thấy rõ chỗ tu chớ không phải nhằm trách cứ gì Phật tử. Thật ra cái lỗi không phải ở Phật tử, mà nếu có nói thì đó là lỗi của những Tăng Ni nào đó. Các vị ấy đã vô tình hay cố ý đưa các Phật tử vào chỗ nhận thức lệch lạc.

Người Phật tử đến chùa xin cúng 100 đồng. Vị trụ trì hay người có trách nhiệm thu tiền liền hỏi:

-Phật tử muốn cầu gì? (Hỏi và hướng dẫn) Cầu an hay cầu siêu?

Và lắm lúc vị đó còn tâm lý hơn, tìm hiểu về gia đình của Phật tử, biết có chuyện gì đó không ổn thì gợi ý cầu nguyện cho v.v... Phật tử thiếu hiểu Phật pháp liền đó nghe mình được người Thầy chăm sóc cẩn thận, bèn thích ý. Và cứ vậy, nhờ Thầy giúp cho việc này, việc nọ qua cúng kiến, cầu an, cầu siêu...

Tại sao khi Phật tử cầm tiền, dâng lễ vật cúng kiến, nếu người Thầy có hỏi cầu gì? Phật tử lại không trả lời rằng:

-Con không cầu gì khác, chỉ cầu cho tam bảo trường tồn để độ thoát chúng sanh trầm溺.

Vì vậy việc Phật tử đi chùa, cúng Phật, lễ Phật phải được đặt lại. Việc tu ở Phật tử phải được đặt lại.

Trước hết Phật tử đến chùa để cúng dường Tam Bảo. Việc cúng dường này có nghĩa là góp một phần tài lực để duy trì ngôi Tam Bảo cho còn mãi ở đời. Mà đại diện ngôi Tam Bảo là Tăng Bảo. Như vậy, cúng dường Tam Bảo có nghĩa là cúng dường cho Tăng Bảo. Khi cúng lòng những mong sao cho ngôi Tăng Bảo có được nguồn sống mà duy trì Phật Bảo, Pháp Bảo. Chư Tăng có sống thì ngôi Tam Bảo mới thường trụ ở thế gian và làm ngọn đèn sáng cho chúng sanh hướng tới để tiêu trừ bao nỗi vô minh hắc ám.

Phải biết việc khai mở đạo mầu là quý báu vô lượng, vì việc ấy mà cúng dường nên phước đức theo đó cũng vô lượng. Cúng dường như vậy là không vì việc riêng mà chung cho cả Tam Bảo, cho cả chúng sanh, nên dù không cầu gì khác mà phước đức vẫn to tát. Việc cúng dường này không phải nhằm chuyển đổi lòng tham, không phải chuyển từ cái tham lệch lạc thành cái tham chính đáng, đã tham thì không cái nào chính đáng. Ở đây nói là nhằm hướng dẫn để xác định về nhận định chính đáng trong việc làm, nhằm xây dựng cho Phật tử có được chánh kiến, có được cái nhìn đúng đắn khi đi vào ngôi nhà Phật pháp.

Như đã nói: Trước là giữ vững ngôi Tam Bảo. Giúp Tăng Bảo được sống còn để tiếp nối ngọn đèn chánh pháp của Phật. Kế đó Phật tử phải chịu khó học hỏi nghe pháp.

Đến chùa, nếu chỉ một bề lo cúng dường cơm áo (tứ sự) không, chưa đủ. Người Phật tử phải trau dồi thêm Phật pháp với chư Tăng Ni nữa. Có vậy, việc Phật pháp mới sáng ra và việc tu theo đó mới có lối vào, khi hành không sai lạc.

Đó là việc chiñnh yếu, Phật tử phải chú ý. Tu mà không học là tu mù. Và lại đó cũng là trợ duyên cho Tăng Ni tự trau dồi để đáp ứng lại chỗ cầu học của

Phật tử. Chứ không, không ai hỏi gì hết, khiến Tăng Ni có người cũng lơ là sự tu học kinh điển. Để rồi qua ngày đoạn tháng, chỉ làm một việc cúng kiến lật vật có chừng. Như vậy, uổng phí cho cả đời xuất gia học đạo.

Phật tử đến chùa, phải cầu học Phật pháp, và chỉ nên nói về những vấn đề Phật pháp, chớ nên đem việc thế sự lạm bàn. Chỉ mất thời giờ vô ích và làm rối tâm người tu.

Phật tử học tu là tu như thế nào?

Có ai hỏi: Là Phật tử, sau khi chết đi về đâu? Phật tử sẽ trả lời làm sao?

Nếu mình tu cầu về cõi Phật, mà đạo nghiệp chưa tròn, Phật và Thánh chúng không rước thì mình về đâu?

Mình sẽ ú ớ về điều này! Vì vậy Phật tử chưa nắm vững đường lối tu.

Phải biết trong Phật giáo có chia ra làm ngũ thừa, là năm thừa, năm từng bậc để người tu hướng đến. Năm thừa là: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa.

Với nghiệp nhân cho các thừa cũng phải biết qua. Thí dụ ở Nhân thừa, tu nhân gì sẽ được sanh về cõi người? Muốn sanh về cõi người phải giữ năm giới làm căn bản. Ở Thiên thừa, muốn sanh về cõi trời phải tu Thập thiện v.v... Người Phật tử phải biết qua những điều như vậy để xác định hướng đi của mình, để biết rồi mình sẽ đi về đâu.

Như bây giờ mình không đủ điều kiện sanh về cõi Phật mà bình sinh mình khéo giữ được năm giới, thì biết chắc là sau khi chết mình sẽ sanh lại làm người. Và do tu pháp lành nên thành người có đức hạnh được vào hàng tôn quý, giàu có sang trọng v.v... Biết được vậy, không sanh (tâm) nghi ngờ, an tâm tu tập pháp lành.

Phật tử tu pháp lành của phần mình là tu làm sao?

Đây là việc tu của người Phật tử tại gia. Phật tử đã thọ quy giới rồi. Giới thứ nhất, không giết hại, Phật tử phải vâng giữ không nên giết người, không nên giết các loài sinh vật bừa bãi. Phải giới hạn tối đa trong hoàn cảnh điều kiện của mình, cố tránh nợ sanh mạng càng nhiều càng tốt.

Giới thứ hai, không trộm cắp, Phật tử đã vâng giữ rồi không nên tái phạm. Không được trộm cắp của người bằng bất cứ hình thức nào, hoặc gián tiếp hay trực tiếp cũng đều không nên.

Giới thứ ba, không tà dâm. Phật tử phải thể hiện đời sống lứa đôi một cách chơn chánh, tránh các trường hợp lang chạ, ngoại tình.

Giới thứ tư, không nói dối, Phật tử phải thành thật, dù trong công việc mua bán đổi chác, không nên lừa lặn người. Buôn bán làm ăn thì phải có thịnh có lùi, nhưng đồng thời phải nhắm trên công sức, trên mồ hôi trí tuệ mình. Tránh mọi trường hợp nhằm bóc lột tài lực, nhân lực người. Cắt giá ăn tiền, tráo trở mặt hàng, lật lọng giao kèo hợp đồng, bội tín trong công việc làm ăn v.v... Uy tín người Phật tử được xác định phần lớn trên việc này.

Giới thứ năm, không uống rượu, điều này quan trọng đối với người nam. Người Phật tử nam phải khá chinh phục mình về việc này. Trong cuộc sống, không tránh khỏi giao tế, nhưng đối với việc rượu chè, phải khéo linh động làm sao không phải vướng vào. Hay ít ra hoặc vướng vào cũng phải biết đường ra. Uy tín con người nằm trên chỗ tỉnh và say. Phật tử phải khéo chế ngự mình. Đã thấy rõ tác hại của rượu trên mọi mặt thì nên tránh xa càng tốt. Phật tử lúc nào cũng phải tỉnh sáng. Có tỉnh sáng mới thấy được vấn đề phức tạp khác đang bao quanh cuộc sống của mình. Nhất là màn tối vô minh hãy còn dày đặc, Phật tử hãy thoát ra khỏi mọi sự nghiện ngập!

Là Phật tử, còn tại gia cư sĩ không phải tu gì nhiều hơn, nếu có đủ duyên tiến xa hơn càng tốt. Nếu không, chỉ giữ chừng ấy việc là đã quý lắm rồi.

Phật tử ngoài chiều tu tiêu cực (chỉ lo cho mình đừng phạm năm giới) còn phải phát huy trên chiều tích cực. Tức nhằm giúp người, tạo duyên cho người cũng được như mình. Việc này cần phải khéo làm trong tin thần cởi mở, chân thành vì người, không một ý đồ vụ lợi riêng tư nào. Làm thế nào, nơi nào có bóng dáng Phật tử là nơi đó có cuộc sống tươi mát, có sự ấm êm hạnh phúc.

Gia đình có Phật tử thì gia đình hạnh phúc. Láng giềng có Phật tử thì láng giềng thêm vui. Người đời có Phật tử thì có sự ấm áp, có được yên lành.

Phật tử phải là hiện thân Phật pháp sống đi vào cuộc đời. Chớ nhìn Phật pháp trên hình tượng Phật, hãy nhìn Phật pháp ở nơi mình, và ở ngay trong lòng cuộc sống. Phật pháp phải là pháp sống, không thể là pháp chết được.

Phật tử muốn tuyên dương Phật pháp, hãy tự mình sống đúng như Phật pháp. Đó là sự cúng dường cao tột nhất. Chư Phật sẽ nhất tâm tùy hỷ cho người có trình độ sống như vậy. Và từ đó mọi rối rắm của cuộc sống sẽ lần hồi được giải quyết ổn thỏa. Đó là đã được pháp lực gia hộ. Một sự gia bị bất khả tư nghĩ. Ấy cũng từ nơi mình nỗ lực quyết sống vì Phật pháp mà thôi, không có gì huyền hoặc, thần bí.

Phật tử đã có gan sống như Phật pháp, thì không cầu an mà được an. Vì đã là người Phật tử chân chánh thì thấy nguy nào khác gì an. Nguy cũng là

tướng, an cũng là tướng. Mà đã là “tướng” tức là hư vọng thì an hay nguy thấy đều hư vọng. Thế nên Phật tử ngay đó mà bình an. Một sự bình an như vậy mới thật là bình an lớn. Và từ niềm bình an ấy, Phật tử có đủ tinh táo sáng suốt chuyển nguy thành an theo cái nhìn của cuộc đời. Chuyển được hoàn cảnh xấu thành tốt.

Vô lý, tu hành là chỉ để “cầu an” . Tu là đối kháng lại ma quân thì làm sao an được? Mà hễ không an thì thối lui, đó có phải là người tu chưa? Lui thì ai tiêu trừ ma quân? Ma quân mà còn thì an làm sao an? Dù muốn an có được không?

Vậy nên người tu không thể chấp nhận được sự “cầu an” như vậy. Không thể cầu an bằng cách thối, không chiến đấu với ma quân, bằng cách làm nô lệ ma quân, hay bằng cách bám theo chân đức Phật, núp trong hào quang ẩn quanh cội Bồ đề.

Không! Người đã nghĩ đến chuyện tu không thể như vậy được.

Phải biết, đức Phật cũng đã là người từng chiến đấu với ma quân. Nay Ngài đâu chấp nhận lũ “hậu duệ” chỉ biết núp bóng trốn vây quanh bên Ngài.

Không được, dù muốn dù không cũng phải chiến đấu. Đã chấp nhận chiến đấu, quyết một mất một còn thì làm sao mà an được. Thế nên dù có cầu an cũng là điều vô ích. Ma quân có chịu cho ta cầu an không? Có thể nó chỉ chịu khi nào nó cảm thấy núng thế trước ta, tức có nghĩa ta phải trên đà thắng chúng mới chịu để ta an, mới chấp nhận sự cầu an.

Hãy chiến đấu! Là đệ tử Đức Điều Ngự thì không có quyền chùn bước. Nguyên đời đời không khiếp nhược để cầu an. Chỉ cầu an khi nào ma quân trở thành nô lệ dưới tay kiếm này.

Là Phật tử, tức là dòng giống của trí tuệ, là dòng kiếm Bát Nhã muôn đời. Người Phật tử hãy đón nhận lưỡi kiếm màu, cầm vững trong tay linh hoạt tiếp đón lũ ma quân. Sự cầu an trên ánh kiếm lướt qua đầu vạn lũ ma quân. Đó là sự cầu an đích thực nhất.

Việc tu hành như vậy ở một Phật tử thuần thành, biết tin tưởng Phật pháp đúng lẽ thật, sẽ thấy rõ điều ấy không phải một sớm một chiều mà được. Việc tu như vậy phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp. Cả ba đại a tăng kỳ kiếp.

Nói như vậy không phải nhằm gây chán nản một công trình có vẻ dài lâu. Mà ta thấy rõ một sự thật không phải đơn giản, không phải là một chuyện dễ dàng gì. Một cái nghề nghiệp thông thường ở thế gian thôi, mà muốn đạt trình độ tinh xảo cũng phải đến cả đời người. Huống chi đây là một việc mờ mờ, ảo ảo, khó nghe, khó thấy, khó thực hiện thì

hỏi với số thời giờ phù du của ba vạn lẻ ngàn ngày là mấy, sẽ dùng vào đâu được. Thật chẳng có vào đâu, chỉ trong một đời người.

Việc tu hành mà đem thời gian ba vạn sáu ngàn ngày để ấn định thì thật chẳng đáng gì!

Ở nhà Thiền nói: Phải gắng đời này cho xong. Đây là một lời nêu cao ý chí, khích lệ kẻ trượng phu. Kỳ thực, làm sao xong được chỉ trong một đời. Có được chẳng là những bậc đã tu qua nhiều đời, đến đời này một nghe ngàn ngộ, thì gọi là xong. Xong căn cứ đời này mà nói. Hay xong là quyết trong đời này, không còn làm nữa. Đối với chân lý đã sáng tỏ rõ ràng. Chứ công hạnh làm sao mà tròn được. Và nếu có được, thì chỉ là xong phần nhân, nhân thành Phật. Đó là trường hợp Long Nữ trong Kinh Pháp Hoa. Nàng vừa được Ngài Văn Thù điểm hóa, thoát liền thành Phật. Phật ấy mới là Phật nhân thời. Tuy là nhân quả đầy mang tính đồng thời. Đồng thời là cùng lúc đồng lớn lên cả nhân và quả. Chớ không phải liền đó nảy nở đúng mức. Cũng như hạt sen và gương sen, đồng có một lượt, cùng nảy nở, để rồi mới lớn lên; chứ không có nghĩa ngay khi có hạt, gương là liền thành quả lớn trọn vẹn đúng mức.

Vậy, phải hiểu điều này chớ có làm lẫn. Không vì lâu xa mà nản, không vì mau chóng mà hấp tấp xem thường. Dù thời gian lâu hay mau, cũng không nên xem thường hay nản chí. Mà phải biết đây là một việc đòi hỏi một ý chí phi thường, một sự kiên tâm không bờ mé.

Tuy vậy, đối với người khéo tu thì luôn luôn giữ được sự thanh thoi trong lúc dụng công. Cho nên dù chưa đạt được quả vị cuối cùng, cũng giữ được tính chất giải thoát an nhàn.

Phật tử khéo tu như vậy, dù chưa tới đâu, nhưng khi nhận đúng pháp, tu đúng đường lối thì việc tu cũng được nhẹ nhàng thư thới. Như nếu thật là ăn cơm, thì vừa ăn là vừa no, vừa khoan khoái. Cứ vậy mà ăn, càng ăn càng no, càng khoan khoái.

Nếu khác vậy thì phải soát lại, xem đường lối mình có đúng như pháp không. Pháp Phật là pháp giải thoát thì từ đầu đến cuối cũng phải mang tính giải thoát mới được.

Có những Phật tử khi tu không được hướng dẫn đúng pháp, khiến ra công trở nên trì trệ và có nhiều điều đáng tiếc cho cá nhân và người chung quanh. Thay vì tu để có được an vui giải thoát thì lại sanh gắt gỏng vô lý, tạo nhiều nỗi bất an cho mình và cho người, gây xáo trộn cuộc sống vô lối, tạo nhiều ràng buộc, những dính mắc không đâu.

Vậy nên Phật tử phải hiểu rằng tu theo Phật pháp là nhằm tạo cho đời sống giữa mình và người đồng

được an vui. Hay ít ra chính mình phải được an vui đúng như pháp.

Làm thế nào khi chưa biết đi chùa thì gia đình lục đục rối loạn. Đến khi biết đi chùa thì gia đình trở nên êm ấm hạnh phúc. Như vậy mới là một Phật tử tốt.

Người Phật tử như vậy là người khéo học đạo. Biết vận dụng đời sống đạo vào đời sống thế tục. Để tóm kết, người Phật tử tại gia cư sĩ phải nhận định rõ ràng về những việc của mình khi đến trong Phật pháp:

-Cần nhận định đúng đắn về việc cúng dường.

-Phải xây dựng nhân tu theo nhân quả. (Quả: vô tham. Nhân: phải lìa tham)

-Tu không phải để cầu an. Tu là chiến đấu với ma quân.

-Tu không phải một ngày một buổi.

-Tu là phải thành thoi.

2. Then chốt luân hồi và giải thoát

Mục đích của người tu hành là ra khỏi vòng luân hồi sanh tử, được giác ngộ và giải thoát. Người tu thì nhiều mà người giải thoát thì không được bao nhiêu. Vì sao? Vì pháp của Phật không đúng chăng? Vì chướng ngại quá cao chăng? Không, pháp của Phật là chân lý muôn đời, còn chướng ngại thì không cao không nặng, chỉ vì người tu hành không thực hành đúng lời Phật dạy, hoặc không biết rõ then chốt của luân hồi và giải thoát để nắm vững và hạ thủ công phu.

Phật dạy: Chúng sanh luân hồi trong ba cõi sáu đường là do vô minh tác động gây nghiệp, rồi chịu quả báo. Muốn cho người tu hành hiểu rõ sự việc từ đầu đến cuối, Phật dạy lý mười hai nhân duyên:

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt... sanh diệt thì lão tử diệt.

Như vậy, muốn hết luân hồi sanh tử thì phải diệt vô minh. Chúng ta hãy tìm hiểu vô minh là gì? Theo Kinh A Hàm thì nếu không biết Tứ Đế như thật là vô minh. Theo Kinh Viên Giác nếu thấy thân ngũ uẩn và lục trần có thật là vô minh. Theo Tổ Hoàng Bá, nếu thấy chín mươi chín phần là giả, chỉ còn thấy một phần nhỏ nhất là thật có thì vẫn còn vô minh.

Làm sao diệt được vô minh? Rất khó, vì nó thuộc thuộc về nhân quả khứ làm sao diệt được? Như vậy chúng ta không thể chặt đứt vòng luân hồi ở chỗ vô minh được, mà phải tìm chỗ khác. Hành, thức, danh sắc, lục nhập, cũng không thể được, vì làm sao diệt được hành là nghiệp quá khứ. Thức, danh sắc, lục nhập là bộ phận của thân thể con người, chẳng lẽ mang ra hủy hoại? Xúc, thọ là những cảm giác ảnh hưởng đến chúng ta cũng không tu được. Chỉ còn Ái là bộ phận cái khoen mềm yếu nhất trong cái vòng gồm mười hai cái khoen của sự luân hồi, chính nơi đây người tu hành nhắm vào để chặt.

Ái là thương yêu. Vì thương yêu nên muốn nắm giữ (thủ), nắm giữ cho ta (ngã), vật đó của ta (ngã sở). Diệt ái tức là phá trừ chấp ngã và ngã sở vậy.

Người đời được khen thì vui, đó là thọ lạc. Bị mắng thì buồn, đó là thọ khổ. Nếu có tiếng nói không khen không chê thì mình không vui, không buồn, đó là vô ký. Trên đây là nói về tiếng. Nếu nói về sắc thì cũng vậy. Đẹp thì thích, xấu thì chán ghét. Người tu phải làm sao không còn cái tâm ưa thích, chán ghét, giận dữ, nghĩa là giữ tâm an tịnh chứ không phải gỗ đá.

Có ái là thương yêu, thích thú, là có lòng tham (thọ lạc). Nếu điều gì có lòng ghét thì khởi lòng sân (thọ khổ). Làm sao đừng tham, đừng sân. Ái tương ưng với tham, trái lại ghét tương ưng với sân. Còn vô minh chính là tương ưng với si. Tham sân si là gốc của tam độc.

Si, là thủ phạm gây ra tội lỗi, là tên khác của vô minh. Vì si mê làm lạc mà chúng ta không phân biệt được điều hay lẽ dở. Không biết đâu là thật, đâu là giả, đường thẳng không đi, lại đâm quàng vào bụi rậm. Phải diệt si thì tham sân sẽ hết. Nếu không tìm ra si để diệt thì không bao giờ diệt được tham sân.

Như đã nói ở trên, người đời được khen thì vui thích, bị chê mắng thì chán ghét. Vậy nếu không thấy thì làm sao dứt được? Đó là then chốt của sự tu hành. Đừng thấy khen chê là thật, thì sẽ dứt được vô minh. Các Tổ dạy phải “quán thọ thị khổ”, thọ lạc cũng không thích, thọ khổ cũng không giận, thọ không lạc không khổ cũng không ưa. Phải bình đẳng đối với tam thọ mới được.

Những cái gì lãnh thọ, nhận chịu đều là khổ. Những cảnh khổ đau, những lời chê bai, những vị cay đắng ở đời là khổ đã đành, nhưng còn cảnh sung sướng, những lời khen ngợi, những vị ngon ngọt thì có phải là khổ không? Theo giáo lý nhà Phật thì vui, buồn, khen, chê, ngọt, đắng... đều là khổ, là giả, là vô thường. Muốn giải thoát người tu hành phải giữ tâm bình thản, không còn thương ghét, như người gỗ ngấm chim về, được vậy thì ở đâu cũng tu được, chẳng cần phải lên núi, vào cốc nhập thất làm chi. Nhưng phải biết việc đó rất khó.

Theo Kinh A Hàm thì tiếng khen là vô thường hoại diệt vậy là khổ, tiếng chê cũng là vô thường hoại diệt cũng là khổ. Biết là khổ thì còn đợi gì sinh lòng yêu ghét. Nếu không sinh lòng yêu ghét thì đã diệt được tham và sân rồi. Chúng ta bị khổ vì chấp tiếng khen cho là thật có, chấp lời chê cho là thật có, chấp hình ảnh đẹp cho là thật có rồi yêu thích, chấp hình ảnh xấu cho là thật có rồi sinh lòng chán ghét. Nếu biết tất cả là vô thường, là khổ, thì đừng ghét, đừng yêu. Tham sân hết, thì si cũng không còn, biết là vô thường thì không ham, vậy dứt được ái. Dứt si, dứt ái là phá được vòng luân hồi, được giải thoát.

Bây giờ chúng ta thử căn cứ vào kinh Bát Nhã xem sao? Quý vị tụng bất cứ kinh gì, cũng kết thúc bằng Bát Nhã Tâm Kinh. Bát Nhã là trí tuệ. Phương pháp tu nào cũng phải nhờ Bát Nhã. Người nào có trí tuệ sáng suốt thì phá trừ được vô minh. Ví như thấp đèn sáng lên thì bóng tối tự tiêu tan. Bát Nhã chủ trương ngũ uẩn giai không, biết tất cả là không, thì thoát tất cả mọi khổ ách. Mọi vật đều tự thể là không, do nhân duyên hòa hợp mà thành, đó chỉ là huyền có, là giả hợp. Nếu biết tất cả là giả, thì còn tham đắm, say mê, thương ghét, giận hờn làm gì? Tất cả đã là không, thì không có người, không có ta, không có vô minh, tội chướng, mà cũng không có nghiệp quả khổ đau. Nhưng tâm trạng này chỉ đến với những người đã chứng đến pháp “nhất thiết không”, trí người đó đã sáng, tâm người đó đã bình, chứ còn chúng sinh thì vẫn thấy có luân hồi, có giải thoát, có sinh tử, có niết bàn, có tội, có báo, có nhân, có quả.

Người có trí tuệ thì hiểu tiếng khen, lời chê, sắc đẹp, dáng xấu, miếng ngọt, vị cay... đều là nhân duyên hợp lại mà thành, là huyền hóa, là giả, thì không còn ưa ghét, nhờ vậy mà dứt được ái, hết tham và sân. Giác ngộ thân, tâm, cảnh là giả, dùng trí tuệ chiếu soi tất cả thì mới là giải thoát, dứt được vô minh, trừ được si.

Chúng ta sống ở đời quen coi ta, người và cảnh đều có thật. Nay nhờ trí Bát Nhã chiếu soi, chúng ta hiểu tất cả là giả có, in tưởng là có mà thôi. Ngay trong lúc thấy có, phải biết nó là không, tất cả các pháp tự tánh là không, đương thể tức không. Cái bàn trước mắt ta đây, bây giờ thấy có, nhưng nó hoại lẩn lẩn, rồi sẽ biến dịch thành không. Chỗ này rất dễ hiểu trước có sau không, theo luật vô thường. Đó là theo Kinh A Hàm. Nhưng nói theo Kinh Bát Nhã thì cái bàn tự tánh là không, do nhân duyên hòa hợp, đương thể tức không. Cái bàn còn y nguyên chưa hoại mà đã biết nó là không, đó mới thật là chân không. Mà cũng chính cái không này lại phát sinh ra cái có, đó là “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”.

Đừng thấy tất cả là giả, là không rồi chẳng chịu làm gì, ngồi im một chỗ, hoặc lên núi, lên non ẩn mình. Thật ra, thấy ngũ uẩn giai không rồi, là đã tỉnh giác,

nhưng chỉ giác được một chút rồi lại mê. Phải làm sao cái giác thật lâu, mãi mãi tự giác rồi còn giác tha. Các vị Bồ Tát sau khi chứng được chữ Không đều phát lòng đại bi, lăn vào trong đời ác ô trước để cứu chúng sinh. Đừng về thế tánh thì không chấp một pháp nào, nhưng đứng về mặt thực hành thì không bỏ một việc thiện nào mà không làm.

Chúng ta đã học hiểu rồi phải thực hành, tự thấp đuốc lên mà đi, ngọn đuốc tâm ta sáng thì được giác ngộ và giải thoát.

Tóm lại, then chốt của luân hồi và giải thoát, theo Kinh A Hàm thì phải hiểu rõ Tứ Đế như thật, mọi vật là vô thường, là hoại diệt, vậy là không. Còn theo Kinh Bát Nhã thì phải phát huy trí tuệ, phải giác ngộ biết vạn vật do nhân duyên hòa hợp, nguyên thể là không. Việc tu hành không có gì lạ, điểm trọng yếu làm sao có trí tuệ sáng suốt để được giác ngộ, mà hễ được giác ngộ là được giải thoát.

PHẦN IV: VẤN ĐÁP

1. Vọng không thật có

“Biết vọng không thật liền hết vọng”

Kinh Kim Cang, Phật dạy: “Tam tâm bất khả đắc” (quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc). Ba thời tâm không thể được.

Sơ Tổ dạy Ngài Huệ Khả: “Đem tâm ra đây ta an cho...” Huệ Khả tìm tâm chẳng được. Liền đó Tổ nói: “Ta đã an tâm cho ngươi rồi đó”.

Mỗi lời dạy của Phật, Tổ tuy khác nhau, nhưng đều có ý bảo là “vọng tâm” không thật có. Nếu hành giả khi tu thiền khởi tu “Biết vọng không thật” tức liền hết vọng. Vọng tưởng do bóng dáng sáu trần, ngoài sáu trần tức tâm (vọng) không thật có.

Gốc mê làm bởi nhận lầm vọng tưởng cho là tâm mình mà thôi.

2. Nghiệp nào nặng?

Người hỏi:

-Nghiệp thân và nghiệp ý, nghiệp nào nặng hơn?

-Nếu căn cứ vào nghiệp nhân thì ý nặng, căn cứ vào nghiệp quả thì thân nặng. Bởi ý là động cơ phát nhân tạo nghiệp. Tuy nhiên nếu có ý nghĩ mà thân chưa hành động, chưa thành tội.

-Nếu nói ý nghiệp nặng, khi ý chưa khởi hành động đâu thể thành tội. Thành tội khi nào phải có hành động của thân.

-Căn cứ giới Tỳ Kheo (giới tướng) khi nào có hành động mới thành tội. Nếu căn cứ giới Bồ Tát, ý vừa nghĩ ác đã thành tội.

3. Tâm Bình Thường

Thế nào là “Bình thường tâm thị đạo”?

-Bình thường tâm nghĩa là không thấy phải, không thấy quấy, thấy thật thấy giả, thấy đây kia, phàm thánh v.v... Tóm lại không thấy hai thì tâm an nhiên lặng lẽ. Thấy như vậy tức có cái thấy bình thường. Cái thấy bình thường như vậy, ấy là đạo. Khi có cái thấy như vậy, không phải dụng công tìm cầu. Muốn được tâm này chỉ đừng khởi vọng. Vì vọng là gốc của luân hồi trong ba cõi, không khởi vọng tức diệt gốc luân hồi.

4. Duy Tâm và Duy Thức

“Tam giới duy tâm vạn pháp duy thức”

Tâm lành hiện cảnh giới lành. Ví như khi ta làm cho người vui, người đối xử với ta tốt.

Vạn pháp duy thức. Các pháp giữa này, có ra đều do thức phân biệt.

Ngài Động Sơn hỏi Ngài Ma Cốc: Gió khắp mười phương, khi không gió tại sao không thấy?

Ngài Ma Cốc cầm quạt quạt.

Gió giáp khắp nhưng phải tùy duyên, có duyên gió mới hiện.

Có phân biệt mới thành pháp.

5. Chăn Trâu

Ngồi tu thế nào?

-Có để tâm không chăng?

-Chăn Trâu kia mà!

-Chăn thế nào?

Tổ Qui Sơn dạy: Khi trâu liếc ngó hai bên muốn ăn lúa mạ người phải kéo nó lại...

Như thế lúc nào người chăn cũng nhìn chừng, đâu có rảnh rỗi mà gọi là “vô ký” hay “hôn trầm”. Đâu để rơi vào không.

Căn cứ vào Thập mục ngưi đồ (mười bức tranh chặn trâu), người chặn đến khi nào không còn thấy trâu và người nữa (dứt cả năng tri và sở tri) mà chỉ còn một vầng trăng tròn sáng rõ giữa không trung.

Tóm lại, trong khi ngồi tu phải dùng trí huệ Bát Nhã thấy rõ vọng tâm sanh diệt làm đối tượng. Khi có vọng luôn biết có vọng. Khi không vọng vẫn biết không. Tâm luôn lặng lẽ và chiếu soi.

Theo pháp tu này, ban đầu có đối tượng, nhưng không có đề mục như Tiểu Thừa. Vì có sự chiếu soi lặng lẽ, nên cũng coi như là lối tu Mặc chiếu. Thiên Mặc chiếu.

6. Có đọa địa ngục không?

Hỏi: Ông Đề Bà Đạt Đa phá Phật nhiều đời, phạm tội ngũ nghịch. Nếu đọa tại sao mỗi đời đều còn theo phá Phật?

-Người tu đắc đạo có hai trường hợp: Nếu còn yếu phải nhờ hoàn cảnh thuận lợi để tiến lên. Trái lại khi đã mạnh rồi phải dùng nghịch cảnh để tiến.

Ông Đề Bà Đạt Đa tuy phá Phật nhưng là Bồ Tát nghịch hạnh, làm trợ duyên để Phật tiến đạo, nên không đọa địa ngục vì không có ác tâm. Tuy nhiên trên lý nhân quả, Phật vẫn nói ông đọa địa ngục Vô gián.

Câu chuyện Ngài Mục Kiền Liên xuống địa ngục thăm ông Đề Bà Đạt Đa. Ngài hỏi: Ông ở đây có khổ không?

Ông trả lời:

-Tôi vẫn vui như Tỳ Kheo đạt quả đệ tam thiên.

-Chừng nào ra khỏi?

-Khi nào Phật vào địa ngục.

Như vậy, Đề Bà Đạt Đa dù ở địa ngục mà không thấy có địa ngục.

7. Chỗ khác biệt giữa đại thừa và tiểu thừa

Đại thừa nhận tâm mình rộng lớn trùm khắp pháp giới, tức thể nhập pháp thân (thể đại, tướng đại, dụng đại). (Đại Thừa Khởi Tín luận).

Tiểu thừa chỉ diệt "sanh diệt" của sáu thức rồi nhập "Diệt tận định" chứng A La Hán. Đại thừa gọi đó là "Trầm không trệ tịch, tiêu nha bại chủng" (không phát đại bi tâm độ sinh).

8. Chấp thiện thì ác liền sanh

Ở Hy Lạp một đạo có phong trào giết người khủng khiếp! Tại sao? Vì người đạo ấy cho rằng mọi người không chịu theo kinh thánh để lên Thiên đường.

Sự thường, nếu ai không làm theo mình thì ghét. Nhưng chưa hẳn cái hiểu của mình là đúng, và khi cái mình cho là đúng là tốt mà kẻ khác không theo, thì coi như kẻ đó là kẻ "xấu số" sẽ bị cái "ác" đến với họ.

Nghĩ thiện, chấp thiện thì cái ác liền sanh. Nghĩ thương người nào thì muốn bảo vệ người ấy. Thấy người khác muốn hại người mình thương, liền có niệm phản đối (ác) và sẽ có ra hành động phản đối can thiệp bảo vệ.

Chấp cái thương, cái thiện là tai họa. Muốn làm thiện mà bị cản trở, thì trở nên bức, tâm ác theo đó mà sanh. Vậy, "không nghĩ thiện, không nghĩ ác là hơn tất cả".

"Nếu là cái thật thì không thương giận. Thương giận thì không phải thật".

9. Khác nhau trên một cái nhìn

Chúng ta sở dĩ phiền não là bởi do nhìn người trên cặp mắt chỉ trích, hoặc cặp mắt khinh miệt tự cao... rồi thấy người xấu xa dờ tệ... bởi thế mới sanh ra phiền não, tâm tật đổ sân si...

Trái lại, nếu dẹp những lối nhìn trên mà nhìn mọi người trên "cặp mắt bình đẳng" mỗi người đều tốt, đều có tánh đặc biệt của họ. Người ăn cướp vẫn có tánh tốt. Nhất là mỗi người đều có Phật tánh (như Bồ Tát Thường Bất Khinh nhìn) thì đâu có phiền não.

Đạo Phật nhìn bằng cái nhìn như vậy (tất cả bình đẳng trên thể tánh) nên phá hết các kiến chấp chủng tộc, nhân loại v.v...

Đạo Phật lấy chúng sanh làm đối tượng cứu khổ, để thực hành hạnh từ bi. Vì thế từ bi của đạo Phật cao tốt, vượt ngoài tình gia đình, quốc gia, nhân loại. Nó là thứ tình chúng sanh. Tất cả chúng sanh đều bình đẳng.

Có cái thấy như vậy, nên Phật mới thí thân cho cạp đói v.v...

10. Biết chủ khách

Hỏi: Khi tu chỉ biết "Khách có biết có, không biết không", còn gì nữa không?

-Như người chủ nhà biết khách biết chủ, đó là giai đoạn thứ nhất. Ở địa vị chủ loại khách, khách hết, sắp xếp việc trong nhà, làm đẹp nhà cửa. Đến lúc

hư hoại muốn gỡ phá nhà (nhà dụ cho thân ngũ uẩn) tùy ý.

Một Thiền sư nói: Sở dĩ ta không làm chủ được nhà mình là cứ để "tâm trộm" lên vào khuấy phá.

Hỏi: Người tu "Biết vọng" mà vọng cứ khởi có lợi ích gì?

Lục Tổ nói: Không sợ niệm khởi mà sợ giác chậm. Vọng khởi mà tỉnh giác là đều có tánh giác hiển lộ. Một trăm lần vọng khởi có một trăm lần giác.

Biết sóng là nước, thì không sợ vọng, vì nó là chân.

Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Ngọa Luân nói: "niệm bất khởi".

Lục Tổ nói: "Niệm sở khởi".

Hễ có niệm liền giác, giác là Phật.

Nhớ mặt biển mà không ngại sóng dậy, vì sóng từ biển sanh.

Sống với bao nhiêu người mê mà mình vẫn tỉnh, chớ không phải đóng cửa không tiếp khách.

11. Hồ Hán đều hiện

Như tấm gương xưa, người Ấn (Hò) đến hiện người Ấn, người Hoa (Hán) đến hiện người Hoa. Người nào đến, vật nào đến đều hiện rõ mỗi thứ. Dầu hiện rõ muôn thứ mà mặt gương không thay đổi.

Như nhận bay trong hư không, không lưu lại dấu vết nào.

Như trăng soi dòng nước, mà nước và trăng không đến nhau. Nước chẳng dính trăng.

Người thấy tánh, gặp duyên liền khởi dụng, nhưng thể tánh chân thật không thay đổi. Ấy là tự tánh dụng.

12. Một câu tóm tắt

Hỏi: Xin cho một câu tóm tắt nghĩa tu thiền?

-Biết cái giả không theo, nhận cái thật thường sống.

13. Sống cái nào gọi là "ông chủ"

1. Phân biệt tốt xấu, yêu ghét... Cái biết này thuộc về thức tình.

2. Biết được cái phân biệt tốt xấu trên tức biết được cái thức tình. Cái này thuộc về Trí. Và Trí này thuộc về Trí dụng.

3. Biết lặng lẽ trùm khắp không so sánh phân biệt. Trí này thuộc về Trí thể. Trí này cũng gọi là "ông chủ". Người tu phải sống trở lại với Trí này.

Hỏi: Kinh Kim Cang nói: "Tâm ba thời không thể đặng". Tại sao lại dạy phải sống với ông chủ (có đặng).

- Kinh dạy phá ba thời vì tâm ba thời vọng không thật. Nhưng ông chủ hằng hữu, phi thời gian, lúc nào cũng vẫn hiện tiền.

14. Định nghĩa Chơn Không

Tên Chơn Không có ba nghĩa:

1. Y cứ kinh điển Đại thừa:

-Chơn không thể tịch tịnh của các pháp. Từ thể hiện bày diệu dụng, hay gọi là Diệu hữu.

2. Y cứ Thiền Tông:

-Chơn không là tánh giác, tánh giác này "không một vật". Lục Tổ nhận được tánh này nên nói kệ: "Bản lai vô nhất vật..."

3. Y cứ Thiền sử:

-Tên vị Thiền sư Chơn Không đời Lý, Việt Nam.

15. Tu tập đừng đặt nặng thời gian

Hỏi: Có người vừa phát tâm tu thì tính toán thời gian, tôi phải tu năm năm, bảy năm v.v... Tính toán như thế có hợp đạo lý không? Thử hỏi có hai người:

-Một người làm cho hết việc.

-Một người làm cho hết giờ.

Vậy người nào tốt?

Đáp: Người làm hết việc tốt.

Vậy mà thường người tu học hay có quan niệm tu cho mau thành, chóng kết quả. Do vậy mà dễ bị gạt. Đúng ra chúng ta tu, không thể hẹn thời gian. Vì có ai biết bao giờ hết vọng tưởng đâu? Đặt thời gian là yếu đuối, là lừa dối! Tu ít mà muốn kết quả nhiều. Người mạnh, sẵn sàng làm bất cứ bao lâu, miễn xong việc là xong.

Tóm lại, chúng ta hãy nỗ lực tiến tu, đừng đặt nặng thời gian.

16. Tinh thần cầu nguyện

Hỏi: Vì sao trong Kinh Nhật Tụng lại chọn phẩm Phổ Môn làm kinh cầu an?

Đáp: Vì phẩm này nói nhiều về cứu khổ cứu nạn, mà người ta hay cầu an vì sợ khổ. Vì vậy chọn phẩm này làm kinh cầu an. Nhưng ít ai hiểu được tầm quan trọng của phẩm này.

Chúng ta thường cứ nghĩ tụng cho có phước, chứ không hiểu được ý nghĩa thâm sâu của kinh.

Kinh Pháp Hoa đến phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn này là đến phần phá Tường âm, mà con người có khổ là do tường. Phá tường thì hết khổ. Một viên đạn bất ngờ xuyên qua chúng ta, chúng ta đâu có sợ. Một nhát dao qua nhanh không làm ta sợ, nhưng nếu cứ khứa khứa, từ từ thì ta tưởng tượng mà rợn mình! Để chứng tỏ cái sợ từ tường mà có, cho nên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát là trở về tánh nghe. Trở về tánh nghe thì bật chỗ tường. Không chỗ tường, thì khổ từ đâu mà có? Nên nói, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì qua khổ nạn. Đó là nói về “lý”.

Về “sự”, niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát hết khổ như thế nào?

Giả sử chúng ta đi đường sợ ma, lúc đó sợ quá, thành khẩn niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Bởi lo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát nên một lúc hết nhớ đến ma, sợ cũng theo đó mà hết, tức là hết khổ. Bị tai nạn cũng vậy. Gặp lúc tai nạn, chúng ta mãi lo niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát nên không còn thời giờ rảnh để tưởng nhớ đến sự việc xảy ra, do đó cũng quên hết khổ.

Hỏi: Tôi thấy có nhiều chuyện niệm Quán Thế Âm rất linh ứng là sao?

Đáp: Vẫn biết đức Quán Thế Âm Bồ Tát rất linh ứng và sẵn sàng cứu khổ cho chúng ta, nhưng nó cũng còn đòi hỏi chúng ta phải tu nghiệp lành đúng với quả mong cầu thì việc cầu an của ta mới có kết quả.

Bây giờ tôi hỏi lại: như gặp tai nạn thì bao nhiêu người niệm danh hiệu Quán Thế Âm, nhưng tại sao có người được khỏi, có người không khỏi? Đâu phải ai niệm cũng được khỏi hết? Như vậy Bồ Tát có lòng thiên vị người này, ghét bỏ người kia sao?

Điểm này chúng ta phải hiểu rõ. Tùy theo nghiệp tương ứng của mỗi người mà có. Người có phước lành thì niệm đến điều lành, cảm việc lành. Trái lại, người nghiệp ác quá nặng có thể không cảm nổi điều lành. Người có phước không nhất định họ niệm Bồ Tát thì Bồ Tát hiện, mà có thể họ niệm Chúa thì Chúa hiện, hoặc niệm thần thánh thì thần thánh hiện đều do phước lành của họ mà cảm nên. Còn người tạo nghiệp ác quá nặng, tuy có niệm đến điều lành, nhưng không đủ sức cảm hiện, nên

vẫn bị khổ. Người xưa nói: “Linh bất linh tại ngã” là như thế.

Tóm lại, cảm ứng chẳng phải không, nhưng có là do ở chúng ta, chẳng phải ở Bồ Tát. Phật Bồ Tát chỉ là cái duyên phụ thuộc bên ngoài thôi. Nếu chúng ta một bề hướng bên ngoài mà cầu sự linh ứng, đó là bỏ gốc theo ngọn, trái với ý chỉ của kinh.

Hiểu vậy thì chúng ta niệm mới cảm ứng bất tư nghị.

17. Xin một chữ

Một người học thiền từ phương xa gửi thư đến xin một chữ để tu.

Đáp: Một chữ “Tĩnh” hoặc một chữ “Xả”.

18. Phật ở đâu?

Đây là lời nói của Ngài Phó Đại Sĩ nói về chỗ sở hành của mình:

Tâm Phật

Dạ dạ bảo Phật miên

Riêu riêu hoàn cộng khởi

Khởi tọa trần tương tùy

Ngữ mặc đồng sở chỉ

Tiêm hào bất tương ly

Như thân ảnh tương tợ

Dục thức Phật khứ xứ

Chỉ giá ngữ thỉnh thị

Dịch:

Đêm đêm ôm Phật ngủ

Ngày ngày cùng Phật dậy

Ngồi đứng hằng theo nhau

Nói nín đồng chung ở

Mãi mãi chẳng xa nhau

Như hình cùng với bóng

Muốn biết nơi Phật đi

Chỉ chỗ nói năng ấy.

“Muốn biết nơi Phật đi

Chỉ chỗ nói năng ấy”.

Đây là chỗ Ngài Mã Tổ trả lời với Huệ Hải:

-Chính cái người hỏi ta đó!

Nhận ra được điều này rồi sống cùng như vậy.

19. Đừng kèm tâm và đoạn vọng tưởng

Chỉ biết vọng không theo là đủ, đừng kèm tâm và đoạn tư tưởng (vì đoạn vọng tưởng là pháp tu của Tiểu thừa). Tại sao? Vì tư tưởng như mây khói, đâu có thật mà phải đoạn trừ. Như bài kệ của Lục Tổ bác cái hiểu lầm của ông Ngọa Luân, trong Kinh Pháp Bảo Đàn.

Lối tu "chăm chăm nhìn vọng tưởng như mèo rình chuột" là lối dạy tu của pháp tu công án, dùng áp lực để tâm thành một khối, đủ duyên sẽ phát ngộ (bộc phát).

20. Nghiệp và vọng tưởng có đáng sợ không?

-Nghiệp: Đáng sợ với người thấy nghiệp là thật, không đáng sợ với người biết nghiệp không thật. Không đáng sợ mà làm chủ nên chuyển được nghiệp.

-Vọng tưởng: Nếu biết thì không sợ. Đừng sợ vọng khởi, chỉ sợ biết chậm. Nó khởi mặc khởi, mình chỉ giữ vững cái Biết, bám sát cái biết. Mình tức biết, biết tức tánh, không ngại.

Lại thêm trong giấc ngủ có nhiều mộng mị, là do nơi nghiệp thức chúng tử khởi hiện hành. Đây là do thiếu sự làm chủ, vì thiếu trí tuệ quán chiếu.

Muốn tiêu trừ mộng mị, thì tăng cường độ huân quán trí tuệ.

Hãy điềm đạm huân tu. Vọng trước là thù, sau ấy là bạn.

PHẦN V: TRÍCH GIẢNG THIỀN SỬ

1. Được danh và được thể

Có vị Thiền khách hỏi Thiền Sư Tánh Không:

-Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang?

Tánh Không đáp:

-Như có người bị té dưới giếng sâu ngàn trượng, không có một tấc dây, đợi chừng nào người ấy lên sẽ đáp ông.

Ngưỡng Sơn Huệ Tịch nghe nói vậy thắc mắc đem hỏi Ngài Đàm Nguyên:

-Người ở dưới giếng làm sao lên được?

Đàm Nguyên quở:

-Kẻ si! Ai ở dưới giếng?

Sau đến Qui Sơn, Huệ Tịch lại đem câu ấy hỏi:

- Người ở dưới giếng làm sao lên được?

Qui Sơn liền gọi:

-Huệ Tịch!

Huệ Tịch đáp:

-Dạ !

Qui Sơn liền bảo:

-Ra rồi! Ra rồi!

Ngay đó Huệ Tịch liền ngộ. Ngài nói:

-Tôi ở chỗ Đàm Nguyên được danh, ở chỗ Qui Sơn được thể.

Bình:

Vì sao Ngài nói ở chỗ Đàm Nguyên được danh? Vì sao ở chỗ Qui Sơn được thể?

Bởi Ngài Ngưỡng Sơn cứ đinh ninh rằng, có người ở dưới lên, ngờ đâu bị gạt một cách đáng thương. Thấy vậy Ngài Đàm Nguyên bèn phá gỡ cho, liền bảo: - Kẻ si! Ai ở dưới giếng? Huệ Tịch liền nhận ra lỗi trước, tuy nhiên chỉ mới nhận ra cái lý không người dưới giếng mà chưa thật thấy chính mình. Đến Qui Sơn gọi: Huệ Tịch. Đáp: Dạ! Bảo: Ra rồi! Ra rồi! Là chỉ rõ cái thể hiện tiền. Huệ Tịch ngay đó vỡ lẽ: chính mình vậy.

2. Trâu đã thuần chưa?

Một hôm Tề An Công đến hỏi đạo Ngài Bạch Vân Nghĩa Đoan. Bạch Vân hỏi:

-Trâu đã thuần chưa?

Công thưa:

-Đã thuần, đã thuần.

Bạch Vân bèn mắng cho một trận. Công mặt đỏ sấc, đang ngồi bèn đứng dậy khoanh tay. Bạch Vân hỏi:

-Thuần chưa?

Công im lặng.

Bạch Vân liền nói:

-Trâu ở trong núi đủ nước đủ cỏ, trâu ra khỏi núi chạm Đông chạm Tây.

Bình:

Người tu ví như người chăn trâu giữ gìn chó cho ăn lúa mạ người. Lúc đầu nó còn hung hăng, sau lần lần thuần thực. Khi thuần buông roi buông dây không phải chăn giữ mà nó vẫn không phạm lúa người. Người giữ tâm mình đúng mức thì không bị thịnh sắc (cánh) làm chuyển lay. Để trải nghiệm trình độ, Thiền Sư đã hỏi người:

-Trâu đã thuần chưa?

Tức tâm ông đã yên chưa?

Ở đây Công thưa: Đã thuần, đã thuần (tâm tôi đã yên rồi).

Ngay đó Thiền Sư bèn mắng cho một trận. Đây là để nghiệm xem Công đã thiết chưa, tâm đã thực yên chưa? Tiếc thay Công chưa được yên thật sự, nên mặt mày biến sắc, trong lòng có vẻ không vui.

Bạch Vân gạn lại: Thuần chưa?

Hỏi như vậy để đánh thức thực trạng trong tâm người. Nhưng Công lại cố chấp, khoanh tay im lặng. Ngài tiếp: Trâu ở núi đủ nước, đủ cỏ. Trâu ra khỏi núi chạm Đông chạm Tây.

Khi tâm không duyên thì yên. Có duyên đến thì bị động, mất đi cái an ổn, mà sân hận nổi dậy. Khác nào trâu ra khỏi chuồng thì báng bỏ quật Đông quật Tây.

Việc huân tu như vậy là chưa được thuần. Khi không duyên thì ngỡ mình đã thuần. Khi duyên đến, chạm duyên mới hay mình chưa.

Người tu, tu không chỉ ở trong yên, mà phải ở ngay trong cái động mà vẫn yên, thế mới là thực.

Công khi không có bị mắng thì ngỡ mình là yên. Khi bị mắng thì nổi sân hết yên. Đây là chưa thật. Phải khi không có mắng, khi có mắng mà vẫn yên thì cái yên đó mới là thực.

3. Hái dưa cho người không vào vườn ăn

Thiền Sư Thanh Phẫu ở nơi hội Ngài Đại Dương. Một hôm Sư đang trồng dưa, Đại Dương vào vườn hỏi:

-Dưa đã chín chưa?

Sư thưa:

-Dưa đã chín.

Đại Dương bảo:

-Lựa một trái hái ăn chơi.

Sư thưa:

- Hái cho người nào ăn?

Đại Dương bảo:

-Hái cho người không vào vườn ăn.

Sư thưa:

-Chưa biết người không vào vườn có ăn không?

Đại Dương hỏi:

-Ông có biết y chưa?

Sư thưa:

-Tuy nhiên không biết mà đâu được chẳng cho.

Bình:

Đã có người hỏi xin mà chủ vườn lại hỏi: Hái cho người nào ăn?

Người chủ vườn muốn gì? Ông trả treo khó dễ. Muốn người xác định cái kẻ "biết ăn", kẻ ấy là ai?

Tại sao đương sự sờ sờ ra đấy mà hỏi quái như vậy?

Tuy vậy không thể trả lời rằng:

-Hái cho tôi ăn.

Nói như vậy có được không?

Người xin xác nhận như vậy là đã làm, mắc bẫy kẻ trồng dưa rồi!

Đại Dương không thể, Ngài là người "lái buôn" sành sỏi, chỉ có lừa người, nào ai lừa được. Đâu dễ nữa câu lại bị mắc hợm! Đã là kẻ "lái" chuyên nghiệp nên trả giá đúng mức để thủ lợi, phải nắm

chắc việc ấy trong tay. Ngài quật ngược lại người, đoạt cơ chủ rầy: - Hái cho người không vào vườn ăn.

Một câu trả lời ma quái, hư ảo! Người vào vườn xin đưa cho kẻ “không vào” ăn. Một chuyện lật lọng ngược lại chủ vườn trả treo. Đã vào, mở miệng xin, sao lại để cho kẻ khác? Ngài mắc cỡ chẳng? Không dám nhận kẻ ấy là mình? Không tự cho mình là kẻ ăn, lại đổ thừa kẻ khác!

“Kẻ không vào vườn” ấy là ai? Là kẻ nào? Có ai thấy hấn đâu! Có chẳng cũng chỉ là bóng ma.

Nhưng đã là một bậc đại nhân, Ngài Đại Dương đâu thể chối quanh, nói vô nghĩa như thế.

Ngài nói một cách xác thật đó. Đã giới thiệu một khách quý với chủ vườn. Người đó là kẻ sành sỏi biết thưởng thức hương vị dưa ngon. Kẻ đó đáng được cho ăn. Người đó là “người không vào vườn”.

Nếu là kẻ khác, không phải Thanh Phủ, người chủ vườn này, thì sẽ nhìn quanh quát kiếm người không vào vườn ấy là ai? Nhưng kẻ chủ vườn này không làm cái việc phí công vô ích ấy. Không bị lời lẽ ma mị của “ông già” lừa. Mà trái lại, còn làm khó để hỏi đơn ren, không muốn hái dưa cho nữa là khác.

-Chưa biết người không vào vườn có ăn không?

Một lối hỏi để giữ dưa, không muốn mất một quả. Người chủ vườn thật lợi hại, dù là tay đại bịp cũng khó mà qua. Lời nói ấy chứng tỏ người chủ dưa đã biết rõ con người “không vào vườn” kia. Lời nói ấy đã chặn trái dưa trước mắt Đại Dương. Người chủ vườn quả thật là kẻ đáo để. Kẻ “bồn xén”.

Nhưng Đại Dương là một ông lái tài giỏi, đâu để mất món hàng xét ra lợi nhuận rất cao. Ngài lật ngang lời người, hất chân kẻ chặn:

-Ông có biết y chưa?

Đây là lời quyết liệt, lời đoạt dưa. Lời này thật lợi hại, nếu không phải là Đại Dương, kẻ lái buôn chuyên nghiệp thì khó lòng, chỉ ngó dưa mà trừ, hối tiếc.

Đại Dương, một lời đã buộc người dâng hoa quả. Một xảo thuật “kiếm ăn” thật tài tình. Lời ấy đã đưa chủ vườn vào thế phải chấp nhận. Và chủ dưa đã hoan hỷ không còn trả treo nữa, mà nhất tâm tùy hỷ cúng dường lên con người “không vào vườn” ấy. Chủ dưa đã kính cẩn:

-Tuy nhiên không biết mà đâu được chẳng cho.

Người chủ vườn thật là hiếu khách, một kẻ thạo việc trồng trọt, lại thạo của thạo người. Một chủ vườn giữ dưa trọn vẹn, dâng dưa mà không mất một trái.

“Người không vào vườn” ấy là ai?

4. Có mắt không mắt

Một hôm Thiền Sư Nguyệt Am đến chơi Phong Nguyệt Đình thấy có đề bài thi:

Phong lai từng đánh thanh nan lập

Nguyệt đáo ba tâm đoạ dục trầm

Hội đắc phong từng nguyên ngoại vật

Thủy tri giang nguyệt tự ngô tâm.

Đọc xong Sư liền nói:

-Ai làm bài thơ này là kẻ mù.

Bình:

Đây chỉ cần sửa hai chữ thôi tức được sáng mắt, mỗi người tự sửa xem?

5. Cái đánh không can dự gì đến việc kia

Ngài Minh Đạo Giả ở chùa Khai Phước đến tham vấn với Ngũ Tổ Pháp Diễn. Ngũ Tổ thấy Sư tính tình điềm đạm, thông minh, phong cách đặc biệt, thường khen ngợi hạnh Sư trước chúng. Vì thế, trong chúng có một số người đố kỵ, muốn làm nhục Sư cho bỏ ghét. Một hôm nọ rủ Sư đi dạo núi, rồi hè nhau đánh Sư một trận thương tích đầy mình. Về chùa, Sư nằm liệt luôn mấy hôm không đi thọ trai được. Sau Ngũ Tổ hỏi ra mới hay cơ sự, bèn đến thăm Sư. Ngũ Tổ bảo:

-Ông bị bọn vô lễ làm hấn như thế sao không mách với lão Tăng để lão Tăng đuổi họ đi.

Sư thưa:

-Con bị đánh thương tích thì con chịu, không can dự gì đến việc kia.

Tổ bảo:

-Sức nhẫn nhục của ông còn hơn lão Tăng, về sau không ai làm gì ông nổi.

Bình:

Tuy là chốn đạo tràng, nhưng người tiểu tâm đâu phải không có. Ở đạo tràng Hoàng Mai, Ngũ Tổ Hoàng Nhãn khi trao y bát cho Lục Tổ, khiến Ngài

Huệ Năng thiếu điều mất mạng nay đến đạo tràng Ngũ Tổ Pháp Diễn, chỉ vì Ngài Pháp Diễn đặc biệt chú ý đến người, khiến người bị kẻ xấu ác đánh đập tàn nhẫn. Việc đời là vậy. Trong tập thể thì có kẻ xấu người tốt là lẽ đương nhiên, như bàn tay có năm ngón, ngón dài, ngón ngắn không đều; việc ấy không phải nói. Chỉ nói đến người thọ nạn.

Ngài Minh Đạo Giả đã bị kẻ xấu hành hung. Ngài có thân thể lớn (Hòa Thượng Pháp Diễn) thế mà không dựa vào để trả hận, ngược lại Ngài còn lặng lẽ không rĩ hơi. Bị đánh đau, liệt bại thì chịu, không kêu than, không thống trách tính toán trả hận. Một việc làm như vậy, có phải vì Ngài sợ bọn kia hăm dọa sẽ hạ sát khi Ngài thừa ra không?

Không! Chắc chắn là không. Ngài có thể lực lớn mà. Ngài một bề im lặng chịu đựng chỉ vì một dạ sống vì Phật pháp.

– Lấy ân báo oán?

– Tình thương xóa bỏ hận thù?

– Tứ đại giả hợp?

– Ngũ uẩn giai không v.v...?

Nhưng Ngài không phải vì những thứ ấy mà nhẫn chịu, để trở thành con người cao thượng, một con người có dạ từ bi, mà Ngài đã thể nhận sâu sắc lẽ nhiệm mầu: “Không can dự đến việc kia!”.

“Việc kia” chính là pháp mầu rút Ngài ra khỏi vòng ân oán, mà có được sự nhẫn chịu phi thường để Ngài trở thành một kẻ có tâm hồn cao thượng, một kẻ biết đem tình thương xóa bỏ hận thù, một con người từ bi đại độ.

“Việc kia” là việc gì? Ấy là việc không là ngũ uẩn, không ngoài ngũ uẩn. Là việc mà ở trong đó không một quả đấm nào có thể đấm được.

Có thể Ngũ Tổ Pháp Diễn mới tán thán:

-Sức nhẫn nhục của Ông còn hơn lão Tăng, về sao không ai làm gì ông nổi!

6. Một chiếc áo rách nát

Ngài Tuyết Đường lúc ở trong chúng ngộ đạo, Sư chỉ mặc duy nhất có một chiếc áo từ đông sang hạ trải qua nhiều năm nên rạn đầy cả áo mà Sư không sờ bắt. Trong chúng có người chán ghét cái hạnh nuôi rạn của Sư.

Sư có ông thân làm quan, khi ấy đổi đến gần chỗ Sư đang ở. Một hôm, Sư đến thăm cha mẹ, nhưng lính gác thấy Sư ăn mặc dơ rách quá nên không cho vào cổng. Sư bèn cởi chiếc áo đưa cho lính

nhờ đem vào trình quan. Bà mẹ nhìn biết áo của con bèn cho gọi vào. Thấy áo rách quá và đầy rạn bà mẹ đem dẹp và đổi áo khác cho Sư. Sư khóc nói:

-Là quyền thuộc ở cùng tôi đã lâu, nay chia tay lẽ đâu lại chẳng buồn.

Khi ấy bà con quyền thuộc hay tin Sư về mới hẹn hôm sau cùng đến thăm Sư. Đêm ấy, Sư lên trốn đi và để lại một bài kệ:

Mạc hiềm tâm tợ thiết

Tự kỷ thượng vi oan

Tảo tận môn tiền tuyết

Phương khai hỏa lý liên

Vạn ban hưu cách vấn

Nhất đẳng thị vong duyên

Cá sự tương ưng xứ

Kim Cang chủng hiện tiền.

Dịch:

Chớ trách tâm như sắt

Chính mình còn chẳng ưa

Quét sạch tuyết trước cửa

Mới nở lò sen hồng.

Muôn việc thôi chớ hỏi

Bạc nhất là quên duyên

Việc này chỗ thích hợp

Giống Kim Cang hiện tiền.

Bình:

Khi người ngộ đạo, thấu lẽ Chơn không, mọi việc quanh thân đều được xem nhẹ. Ăn mặc cơm áo đã trở thành phụ thuộc. Có gì phải nghĩ tới. Một cái áo chân thật mặc hoài không cũ, trùm hoài không rách, mang hoài không hư hoại nhàu nát. Tung ra thì khắp sum la vạn tượng, thâu lại chừng mấy lông đầu sợi tóc. Có gì làm nhớ nó? Bất cầu bất tịnh. Có gì làm thay đổi? Bất tăng bất giảm. Có gì làm suy suyễn? Bất sinh bất diệt.

Chiếc áo như vậy đã khoác lên mình Sơn Tăng, thì còn chiếc áo nào đáng giá hơn nữa. Vì vậy việc áo

xống chỉ là sở thuộc của Sơn Tăng. Sơn Tăng đã dùng nó, làm chủ nó. Chứ nó không còn làm chủ, sai khiến Sơn Tăng nữa. Mặc và mặc mãi, mặc đến khi nào không mặc được nữa thì quăng, khỏi chăm sóc không luyến tiếc.

Để nói lên việc làm chủ sự ăn mặc khi thấy mình có chiếc áo bằng trần bảo lộng lẫy. Ngài Tuyết Đường đã mặc hoài một chiếc áo suốt bao năm. Việc ấy đã làm ngứa mắt người có cái nhìn chỉ biết trên cái ăn cái mặc. Đáng tiếc thay cho người! Người trong tùng lâm còn như vậy, huống là kẻ thế tục không hiểu đạo lý gì!

Từ một chiếc áo như vậy, đã hóa hiện biết bao chúng sanh. Loại rận mặc tình nẩy nở. Dù có bị cắn rứt mà Ngài vẫn xem như bạn. Mỗi cắn rứt ngoài da thịt có là bao. Ngài rằng nổi cắn rứt trong tim trong não kia. Ngài không có nổi cắn rứt trong tim não thì coi việc cắn rứt trên da thịt có nghĩa gì. Nó hút máu Ngài là hút dòng máu cam lồ. Với dòng máu ấy chúng sẽ “tu” theo Ngài, sẽ là con cái Ngài. Cũng như con cái nút sữa mẹ vậy.

Vì vậy, khi các “lũ con” của Ngài bắt buộc phải xa lìa Ngài bởi bàn tay người mẹ thì Ngài không làm sao mà không xót xa được.

Sự thể hiện đời sống đạo của Ngài tuy cục bộ, nhưng rất gần gũi và xác thật với sinh hoạt thường nhật của cuộc sống.

Con người mãi bận rộn, cũng chỉ vì duyên. Duyên mà không dứt chỉ phí công tu. Người muốn rảnh rang thanh sạch phải lo quét dọn tuyết ngộ nhà mình. Duyên duyên phải cắt đứt. Ấy là yếu chỉ: Vạn duyên buông hết.

Duyên trong duyên ngoài đều bật đứt, đây là chỗ giống Kim Cang nẩy nở.

7. Thành cái gì?

Vua Hiến Tông nhà Tống hỏi Thiền sư Phật Chiêu:

-Đức Thế Tôn vào núi Tuyết, sau thành đạo, hỏi thành cái gì?

Phật Chiêu đáp:

-Dám hỏi bệ hạ đã quên.

Vua rất hài lòng.

-Vua Hiến Tông đã từng hỏi câu này với nhiều vị Thiền Sư khác, nhưng câu đáp không được vua hài lòng lắm).

Bình:

Đức Thế Tôn thành đạo là thành cái gì? Đây là một vấn đề trọng đại. Vua Hiến Tông đã từng hỏi câu này với nhiều Thiền Sư. Thành cái gì? Đã bao người học đạo thắc mắc đều này. Người ta nói “thành” tức chứng Bồ Đề đạt cõi Niết Bàn. Nhưng ở đây Ngài Phật Chiêu trả lời đơn giản:

-Dám bảo bệ hạ đã quên.

“Có” mà không nhớ ra, tức đã “quên”.

Ngài Phật Chiêu rất khéo, vua hỏi việc Phật mà Ngài từ Phật xoay lại vua, vì vua mà chỉ thẳng. Khác nào Đạt Ma Tổ Sư vì vua Lương mà chỉ cho. Ngài đã mạnh dạn nói: Bệ hạ đã quên.

“Quên” cái gì?

-Quên cái đã có.

Ở vị Bệ hạ “có” cái gì?

-Có cái mà nhà vua đã quên.

Cái “có” là cái quý giá tốt bực ở một ông vua, ở một người. Nhưng rất tiếc ở nhà vua và con người đều quên.

Đức Phật đã thành đạo, nay Ngài từ bi chỉ thẳng chỗ “thành” ấy. Đó là chỗ mà bệ hạ đã quên, mà bao người đã quên. Thành cái “có” mà đã “quên”.

Thật đơn giản biết bao?

Nhà vua nghe qua mà bừng tỉnh. Tỉnh cái mình đã “có”.

Vua có, người có chăng?-Có.

8. Một tiếng nạt đáng giá ngàn vàng

Thiền Sư Phần ở Kiếm Môn. Thuở nhỏ, một hôm Sư bắt thần hiểu đạo rồi tự cạo tóc, nhưng vẫn thường chạy rong chơi trong xóm làng, nên thiên hạ gọi Sư là “Tăng điên”.

Sau Sư xuất gia tham thiền và đến nương Ngài Đại Huệ. Đại Huệ nghe nói “Gã phong điên” nên không cho Sư nhập chúng. Sư đành phải ra đi, đến sông Triết Giang, đứng bên bờ trạm, Sư tủi thân khóc than:

-Ta đã lang thang bao năm trời nay định nương Ngài Đại Huệ mà cũng không được chấp nhận, chắc tại kiếp trước ta không có gieo hạt giống Bát Nhã.

Trong khi đang khóc sụt mướt thì nghe lính nạt:

-Tránh ra, quan Thị Lang đến!

Sư bỗng nhiên đại ngộ liền làm bài kệ:

Cơ niên cá sự quây hung hoài
 Vấn tận chư phương nhĩn bất khai
 Kim nhật can trường hốt nhiên phá
 Nhất thính giang thượng Thị Lang lai.

Dịch:

Bao năm việc ấy chứa trong lòng
 Hỏi hết các nơi mắt chẳng khai
 Nay bỗng ruột gan tan vỡ hết
 Trên sông một tiếng Thị Lang lai.

Bình:

Một con người đã thao thức trên lối về đại đạo. Nhưng hình tung kỳ quái, khiến người ruộng rẫy không chấp nhận. Hận mình một nỗi vô duyên, kém mầm Bát Nhã. Thề một quyết hy sinh thân mạng, dứt đi nghiệp chướng oan khiên. Mong sao đời khác tiếp nối trọn lành, không oan oan, ương ương như thuở này nữa.

Thời cơ đã đến. Lính mở đường quát nạt mở lối cho quan Thị Lang tiến bước. Đang khi đau khổ bời bời, ruột gan rối loạn, nỗi lòng rã tan. Giữa cái lúc chỉ còn có ta và ta, niềm băng giá phủ lấp cõi hồn thì tiếng quân hét.

Ngay đó băng tan giá rã, nỗi khổ cuốn trôi. Phẳng phẳng một mối. Tâm hồn rộng rang nhẹ hững. Ngài đã sống lại từ bên kia cõi chết.

*

9. Buông xuống đi!

Nghiêm Vương Tôn Giả hiệu Thiện Tín là đệ tử của Triệu Châu. Một hôm Sư hỏi Triệu Châu:

-Một vật chẳng đem đến thì thế nào?

Triệu Châu bảo:

-Buông xuống đi!

Sư thưa:

-Đã là một vật chẳng đem đến buông cái gì?

Triệu Châu bảo:

-Buông chẳng được thì nên gánh đi.

Qua chuyện này, Ngài Huệ Nam có làm bài tụng:

Nhất vật bất tương lai
 Kiên đầu đảm bất khởi
 Ngôn hạ hốt tri phi
 Tâm trung vô hạn hỷ
 Độc ác ký vong hoài
 Xà hổ vi tri kỷ
 Quang âm cư bách niên
 Thanh phong du vị dĩ.

Dịch:

Một vật chẳng đem đến
 Trên vai gánh chẳng kham
 Qua lời chọt biết lối
 Trong tâm vui vô vàn
 Lòng quên các độc ác
 Cọp rắn làm bạn mình
 Thời gian trăm năm lẻ
 Gió mát vẫn còn nguyên.

Bình:

Ngài Huệ Nam tuy là người sau, cách nhiều đời mà vẫn tương thông người trước. Ngài đã biết rõ chỗ vì người của Triệu Châu. Kể đến hỏi đã mang công mà còn quây môi lưỡi. Tiếc thay đương sự chẳng nhận ra. Ngài Huệ Nam qua lời chọt biết lối. Lối tại chỗ nào?

-Buông!

Lòng Ngài Huệ Nam thư thái nhẹ nhàng. Ngài đã quên các loài độc ác, cùng cọp rắn làm bạn mình. Sao kỳ vậy?

Người đã thôi rồi đa mang nghiệp chướng ẩn chôn cùng cốc sơn lâm mà làm bạn với thú rừng. Ngày qua tháng lại thông thả huân tu.

Dù thời gian trên thế kỷ, giữa mình và người xưa, Ngài vẫn thấy lời kia là làn gió mát. Lời ấy vẫn còn nguyên. Vẫn rõ ràng giữa hoa ngàn cỏ dại.

Lời gì?- Buông!

10. Đạo tại hành động

Cư Sĩ Quách Đạo Nhơn chuyên làm nghề thợ rèn. Một hôm ông đến chùa Cảnh Đức tham cứu với Thiền Sư Trung. Trung bảo:

-Ông bỏ hết những cái nặng đi rồi xoay lại ông mà tham cứu thì việc gì cũng xong.

Sau đó một thời gian, ông trở lại gặp Thiền Sư Trung. Trung bảo:

-Thiện ác như mây nổi, sanh diệt không chỗ nơi.

Ông nghe xong liền đọa ngộ. Sau đó ông hay nói những lời lạ. Trước khi chết ông đi giã từ bà con, bè bạn xong về nhà làm một bài kệ để lại rồi ngồi kiết già mà tịch.

Lục thập tam niên đã thiết

Nhật dạ phiến bành bất kiệt

Kim triều phóng hạ thiết trụ

Hồng lô biến thành bạch tuyết.

Dịch:

Sáu mươi ba năm đập sắt

Ngày đêm quạt lửa chẳng thôi

Hôm nay chùy sắt buông rời

Lò hồng biến thành tuyết trắng.

Bình:

Người Cư sĩ hành nghề thợ rèn, vậy mà nghiệp chướng nhẹ. Một phen hỏi đạo liền chợt tỉnh, quăng hết sắt chùy ống bễ. Một phen tắt ngún lò hồng, ngay đó trở thành tuyết trắng.

Thật một kẻ phi thường. Việc kiến đạo giải thoát đâu phải chỉ dành cho kẻ trí thức đạo gia. Một tay thợ rèn, khi quăng búa tắt lò thì liền đó bễ lửa hóa thanh lương, rảnh tay đạo khúc vô sanh.

11. Tinh giác là đạo

Thiền Sư Tư Nghiệp trước khi xuất gia làm nghề đồ tể. Một hôm đang thọc huyết heo bỗng chợt tỉnh liền đi xuất gia.

Ngài có làm bài kệ:

Tạc nhật Dạ Xoa tâm

Kim triều Bồ Tát diện

Bồ Tát dữ Dạ Xoa

Bất cách nhất điều tuyến.

Dịch:

Hôm qua tâm Dạ Xoa

Sáng nay mặt Bồ Tát

Bồ Tát cùng Dạ Xoa

Chẳng cách một sợi tóc.

Bình:

Một con người bị miệt thị là kẻ đồ tể. Thế mà ngay khi xuống tay thọc huyết heo, thì liền chợt tỉnh. Người đồ tể hôm nay khác nào người đồ tể thuở trước: Đồ tể Quảng Ngạch. Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật (Quăng dao mổ heo, ngay đó thành Phật).

Xưa nay chỉ một tâm. Xưa nay chỉ một hành động. Kẻ xưa và người nay không khác. Người bên cạnh Phật một thuở, người cách Phật nghìn năm vẫn không khác. Tâm và hạnh giống nhau, người nay vẫn đồng xưa. Chánh pháp, mật pháp nào có quan hệ.

Chánh mật chỉ ở tâm này.

Làm sao dựng lập thời gian trên một tâm mê hay tâm giác? Giác mê, mê giác bao nhiêu mặt, cách một thời gian nào? Mặt mũi Dạ Xoa và Bồ Tát, chỗ khác nhau được xác định bởi ranh vực nào?

Ai biết rằng, chính đây, ngay đây.

12. Nghịch hạnh

Thượng Tọa Pháp Minh là cháu trong tông Vân Môn. Sau khi ngộ đạo, Ngài về quê và chuyên đi tụng đám, gặp ai mời uống rượu ăn thịt thì xáp vô nhậu đến say mềm, còn ai mời ăn chay thì nhất định từ chối.

Như thế trải qua mười mấy năm. Một hôm Ngài bảo trong chúng:

-Mai ta tịch đây!

Chúng không ai tin cả.

Sáng hôm sau Ngài la to:

-Ta đi đây, hãy đến nghe ta nói kệ:

Bình sanh túy lúy điền quyết

Túy lúy khước hữu phân biệt

Kim triêu tửu tỉnh hà xứ

Dương liễu ngạn, liễu phong tàn nguyệt.

Dịch:

Bình sanh trong say té ngã

Trong say lại có phân biệt

Sáng nay tỉnh rượu đi đâu

Bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm.

Ngài nói kệ xong liền tịch.

Bình:

Một con người say khướt đã bao nhiêu năm, công hạnh theo thông thường không có. Một người tu như vậy thật lạ. Vậy mà trước phút ra đi vĩnh viễn khỏi cuộc đời lại hẹn được ngày giờ, lại nói lên điều uẩn áo. Tâm hạnh Thiền Sư thật khó lường.

Phải nói sao cho phải? Rằng say phải hay tỉnh phải? Thế nào là phải?

Nhìn trên hiện tượng quyết đoán bản chất, đâu là chân lý?

Người như vậy còn say còn tỉnh nữa sao?

Phải nói với Ngài thế nào cho phải?

Chỗ về của Ngài là đâu?

-Bờ dương liễu, trăng tàn gió sớm.

13. Hạnh kỳ đặc

Thiền Sư Tu Diễm ở đời Minh, sau khi ngộ đạo ở Thạch Môn, Ngài về trụ tại chùa Đông Sơn, chuyên tu hạnh đầu đà. Đêm nào Sư cũng cởi trần để bố thí cho muỗi, có người thấy thế đem quần áo cúng cho Sư, Sư lại đem cho người khác. Như thế trải qua hơn bốn mươi năm, Sư không hề tắm rửa.

Khi tịch Sư ngồi kiết già, làm kệ xong rồi an nhiên thị tịch, đệ tử đem nhập tháp. Một thời gian sau mở cửa tháp ra thấy Sư vẫn ngồi yên như trước.

Tứ thập niên lai thường tiến túc

Bất thể đầu hề bất tháo dục

Quận quan vị ngã hoá y sam

Chỉ khủng bình sanh nguyện bất túc.

Dịch:

Bốn chục năm liền thường cởi trống

Đầu chẳng gội chừ thân chẳng tắm

Quận quan vì ngã đổi chiếc y

Chỉ ngại bình sanh nguyện chẳng đủ.

Bình:

Hạnh đầu đà cần khổ nhọc xác thân. Người tu cởi áo phơi mình hiến muỗi xơi. Suốt mấy mươi năm liền như vậy, quả là một con người phi thường. Một việc làm không mấy ai làm được.

Do định lực, do trí lực, do nguyện lực, do gì mà Ngài được như vậy? Việc làm của Ngài thật khó nói. Ngài đâu không tham lý sự? Ngài là kẻ ngộ đạo kia mà. Thì việc làm của Ngài đâu phải là mù quáng. Ngài làm như vậy có mục đích gì, và đã được lợi ích như thế nào? Việc này thật là bí mật. Không thể nói có làm như vậy mới gọi là tu (mục đích), và làm như vậy mới được an nhiên thị tịch (lợi ích), không thể y cứ như vậy. Vì với các vị khác thì sao?

Và dù sao đi nữa, thì một sự thật vẫn hiển nhiên, vẫn sờ sờ ra đó. Cho đến sau khi tịch một thời gian, Sư vẫn ngồi đó.

Trí thì không khác, hạnh thật khó lường. Trí hạnh không hai, diệu dụng bất tư nghi.

14. Ông là Huệ Siêu

một thiền khách tên Huệ Siêu, hỏi thiền sư pháp nhãn:

-Thế nào là Phật?

Pháp Nhãn đáp:

-Ông là Huệ Siêu.

Huệ Siêu nghe xong liền ngộ đạo.

Bình:

Một lời chỉ thẳng đúng đích danh.

Lột mặt nạ chơn nhơn rồi.

15. Ba Căn Gai

Một Thiền khách hỏi Ngài Động Sơn Thủ Sơ:

-Thế nào là Phật?

Động Sơn nói:

-Ba cân gai.

Bình:

Chơn hơn hiện tiền.

16. Thế nào là Phật

Hòa Thượng Đã Địa bình sinh ai đến hỏi đạo, Ngài cũng lấy gậy đập xuống đất. Một hôm có vị Thiên khách lên đầu gậy rồi hỏi Ngài:

-Thế nào là Phật?

Ngài quơ tay tìm gậy nhưng không có, liền há họng to.

Bình:

Muốn thấy mặt hồ phẳng, trước khi cá ăn móng.

17. Chỗ nào không phải là Phật?

Nam Tuyền, Qui Tông và Ma Cốc đi tham vấn Quốc Sư Huệ Trung. Giữa đường, Nam Tuyền vẽ một vòng tròn nói:

-Nói được thì đi, không nói được thì về.

Qui Tông liền vào trong vòng tròn ngồi kiết già, Ma Cốc giả làm người nữ quý xuống đánh lễ. Nam Tuyền nói:

-Thôi!

Xong cả ba đi về.

Bình:

Đêm rằm lễ sám hối

Trăng rằm sáng vắng vặc

Phật ngự trên tòa sen

Phật tử lễ sám hối

Công đức được vẹn toàn.

18. Khuôn thước người xưa

Ngũ Tổ Pháp Diễn dạy Ngài Phật Nhãn khi đi trụ trì:

-Có phước không nên hưởng hết, hưởng hết thì họa sẽ đến.

-Có thể lực không nên dùng hết, dùng hết thì sẽ bị khinh lờn.

-Ngôn ngữ không nên nói hết, nói hết thì cơ chẳng mất.

-Quy củ không nên hành hết, hành hết thì chúng không ở được. (Phải khéo linh động không nên quá chấp theo quy luật).

Bình:

Người đi trụ trì nên nhớ lời dặn này.

19. Đồng hay khác

Một Thiên khách hỏi Thiên Sư Ba Lăng:

-Tổ ý, giáo ý đồng hay biệt?

Ba Lăng đáp:

-Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước.

Về sau Ngài Bạch Vân Nghĩa Đoan phê bình lời đáp này, nói rằng Ba Lăng chỉ nói được năm phần, theo Ngài sẽ đáp:

Cúc thủy nguyệt tại thủ

Lộng hoa hương mãn y.

Dịch:

Vốc nước trăng trong tay

Đùa hoa hương đầy áo.

Sau Ngài Trung Nguyên lại nói:

-Nghĩa Đoan cũng chỉ nói được tám phần. Theo Ngài thì sẽ đáp:

-Nhơn ngã vô minh xâu một chùm.

Bình:

Tổ ý, giáo ý đồng hay biệt? Ýi Tổ, ý Kinh đồng hay khác?

-Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước. Vịt và gà khác loài. Vịt không là gà, gà không là vịt. Mỗi thứ giữ phận mình. Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước. Cái phận ấy nhằm ổn việc mình.

Người Việt Nam đói ăn cơm. Người Tây đói ăn bánh mì.

Ngài Ba Lăng đã nói gà nói vịt như vậy không lầm. Ngài Nghĩa Đoan lại muốn làm khéo, đề người xưa, giành phần mình, nói:

Vốc nước trăng trong tay

Đùa hoa hương đầy áo.

Lời này bóng bẩy thi vị thay! Nước trắng trong tay, nắm mà không dính. Hương hoa đầy áo, vương mà không nhiễm. Cũng là những muốn làm thơm làm đẹp.

Và rồi, cũng bị nghiệp quả. Ngài Nghĩa Đoàn bị Ngài Trung Nguyên đề xuống, nói:

-Nhơn ngã vô minh xâu một chùm.

Loay hoay, đây cũng chỉ là việc nói trắng nói cuội. Cuội và cây đa vậy thôi.

20. Quý ở chỗ thực hành

Thi hào Bạch Cư Dị đến hỏi đạo Thiền Sư Ô Sào:

-Thế nào là căn bản Phật pháp?

Ô Sào đáp:

-Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành.

Bạch Cư Dị thưa:

-Câu này con nít ba tuổi cũng thuộc.

Ô Sào bảo:

-Con nít ba tuổi cũng thuộc, nhưng ông già tám mươi tuổi làm cũng không xong.

Bình:

“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”. Các ác chớ làm, điều lành vâng làm. Làm lành lánh dữ. Lời này quả trẻ con ba tuổi cũng thuộc. Nhưng mà lời này ông già tám mươi không làm nổi. Bảy mươi chín năm tạo ác, đến năm tám mươi mới làm thiện, liệu có trừ bảy mươi chín năm tạo ác kia được không?

Việc tu quý ở chỗ thực hành, hành được ít cũng hơn nói nhiều mà không làm, nên cổ đức nói: “Nói một trượng không bằng làm một thước, nói một thước không bằng làm một tấc”.

21. Nêu gương bất khuất

Quốc Sư Nhật Quang Viên Minh Thường Chiếu (Nhật Hoàng phong tặng). Sư gốc Trung Hoa, sau khi ngộ đạo nơi Thiền Sư Vô Chuẩn, Sư đi du phương đến mỗi nơi đều có phát minh. Sau trong nước có loạn, Sư đến tị nạn tại chùa Ôn Nhân núi Nhạn Đẳng Ôn Châu. Khi giặc Minh kéo đến, Tăng chúng chạy hết duy chỉ có Sư ở lại. Giặc thấy Sư ngồi kiết già bèn lấy đao khứa cổ. Sư ngửa cổ ra và nói kệ:

Càn khôn vô địa trác công cung

Thả hỉ nhơn không pháp diệt không

Trần trọng đại minh tam xích kiếm

Điện quang ảnh lý trăm xuân phong.

Dịch:

Trọn không chút đất cắm cây cung

Mừng thấy nhơn không pháp cũng không

Trần trọng mời ông hươi kiếm bén

Lướt nhanh trong bóng chém xuân phong.

Sư đọc kệ xong, thần sắc vẫn không thay đổi, khiến giặc hoảng hốt lạy tạ lỗi rồi rút lui. Sau Nhật Bản nghe danh thính Sư sang giáo hóa và phong làm Quốc Sư.

Bình:

Ví gặp gươm đao thường thân thân

Phòng nhằm thuốc độc vẫn nhàn nhàn.

Con người bình an đến như thế là cùng. Gươm đưa vào cổ vẫn còn ngâm nga kệ xướng. Trước môn quan vẫn điềm nhiên xem như không có. Việc sanh tử thật chẳng bận lòng. Ngài thật xứng với tôn vị Quốc Sư.

Kẻ đã không màng sống chết, thì việc danh lợi có sá gì. Quốc Sư hay kẻ bần Tăng cũng vậy thôi. Lá cờ rũ hay lá cờ phất cũng chỉ là lá cờ. Việc khác nhau đó chỉ là duyên. Phải duyên ngẩng đầu cửa cổ thì ngẩng đầu. Phải duyên ngát ngưỡng tòa cao thì ngát ngưỡng. Thế nào cũng chỉ là dung nghi một vị chân Tăng thôi.

Với cái kẻ “càn khôn vô địa, nhơn không pháp diệt không” thì còn gì để nói. Có kiếm cũng nên quăng, có lời cũng nên ném, dập đầu mà đánh lễ tôn vinh cúng dường.

22. Các khổ không thể đến

Một thiền khách đến hỏi một Vị Cổ đức:

-Khi lạnh nóng đến làm sao tránh né?

-Trong chảo dầu lò lửa mà tránh né.

-Trong chảo dầu lò lửa làm sao tránh né?

-Các khổ không thể đến.

Sau Ngài Phật Quang Viên Mãn Quốc Sư có làm bài bình:

Lão khứ tha hương ngộ cố tri
 Điều điều huê thủ khước đồng qui
 Dạ thâm khả tận tôn tiền tửu
 Mạc thuyết thiên nhai cước thống thì.

Dịch:

Lão đến tha hương ngộ cố tri
 Xa xôi tay nắm đất nhau về
 Đêm khuya đã cạn chén rượu trước
 Chớ nói trên đường gót chân đau.

Bình:

Một việc tránh né nóng lạnh thật tuyệt diệu. Hãy ngay trong “chảo dầu, lò lửa” mà tránh né. Hay biết mấy! Vì nơi ấy các khổ không thể đến (đến bị cháy sao). Thật lý thú biết bao!

Việc sanh tử hãy như vậy mà tránh né.

Quốc Sư Phật Quang Viên Mãn có lời bình thật hay. Ngài đã chỉ rõ chỗ tránh né.

Người khách qua lại trên nẻo đường sinh tử, gặp bạn cố tri. Gặp lại rồi người bạn cố tri ngay trên đường sanh tử, thì hãy “đề huê” lưng túi gió trắng nhâm nhi mỹ tửu, thưởng thức hương nồng, bàn chi hành trình nhọc mỏi. Chuyện nhọc nhằn chỉ là chuyện trên đường. Nơi thảo luận chỉ có ta và ta, ly rượu vui đây, nốc cạn quần say mặc tình đất trời nghiêng đổ, chuyện nhọc nhằn có không.

PHẦN VI: THƠ KỆ

Những bài thơ kệ sau đây do Thầy Viện Chủ sáng tác:

1. Mộng

Gá thân mộng
 Đạo cảnh mộng
 Mộng tan rồi
 Cười vỡ mộng
 Ghi lời mộng

Nhấn khách mộng

Biết được mộng

Tĩnh cơn mộng. (1980)

2. Phá Ngã

Mạng sống trong hơi thở

Trong nhịp đập quả tim

Thế nào là mạng sống?

Sự vay mượn liên tục. (1982)

3. Gió Nghiệp

Đem vào là nhờ gió

Tống ra cũng gió đưa

Sự hô hấp tuần hoàn

Tất cả đều do gió

Một phen gió nghiệp dừng

Thân này như khúc gỗ. (1983)

4. Cuộc Đời Qua Mắt Tôi

Chiếc thân tứ đại khói

Sinh hoạt thế gian mây

Thành công khối nước đá

Thất bại chum bọt tan

Nhục vinh bong bóng nước

Thương ghét hạt sương mai

Khổ vui trong giấc mộng

Lành dữ bóng chim bay

Tháng ngày cái chớp mắt

Còn mắt nước trắng lay

Chung cuộc cơn gió thoảng

Viên mãn bầu trời trong. (6/1984)

5. Chiếc Thân Phút Chót

Còn động còn ầm còn ta
Động dừng ầm hết thì ma ra đồng
Thở than khóc lóc não lòng
Thức thân theo nghiệp hết mong trùng phùng.

(tháng chạp 1984)

Nhân con chó tiểu phế chết, thị giả khóc, viện chủ dạy bài kệ này.

6. Chơn Không

Chơn không thể bất biến
Huyền hữu thường đổi thay
Khói mây bọt bóng nước
Tan hợp cuộc vẫn xoay
Linh lung trắng rọi biển
Xanh biếc núi im lim
Ngút ngàn mặt bể cả
Thăm thẳm bầu trời xanh
Đường phố xe qua lại
Sông biển tàu tới lui
Dòng đời duyên biến đổi
Bệ đá đạo nhân ngồi.

7. Đường Tiêu Dao

Đây con đường Tiêu Dao
Rộng bằng lại thẳng tắp
Đầu cửa cổng Chơn Không
Đuôi ngọn đồi Tụ Tại
Xa đến khách xuất trần
Khách xá, trai đường đón
Mảng cầu, nhãn, mít khoe
Hoa giấy, anh đào cợt
Dưới phố vang nhạc mừng

Gió đông lộng tà áo.

8. Đường Đại Mai

Đường Đại Mai uốn cong
Cấp rải đều rồng cuộn
Đại xòe lá che rậm
Mai đón đông cười mỉm.

9. Đường Thạch Đầu

Đường Thạch Đầu thưở nọ
Đặng Ân Phong té nhào
Đường Thạch Đầu hiện tại
Khách đi lòng nao nao.

Bốn bài thơ sau (6, 7, 8, và 9) do trong giữa mùa Hạ 1985, Viện Chủ đã ngẫu hứng qua cảnh sắc Chơn Không mà ứng ra.